



NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN VĂN TÙNG (đồng Chủ biên)
LÊ THỊ NGỌC ANH – TRẦN LÊ DUY – VÕ THỊ PHÚC HỒNG
TRẦN MINH HƯỜNG – HUỲNH VŨ LAM
NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – HỒ TRẦN NGỌC OANH

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGŨ' VĂN

SÁCH GIÁO VIÊN

10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN VĂN TÙNG (đồng Chủ biên)
LÊ THỊ NGỌC ANH – TRẦN LÊ DUY – VÕ THỊ PHÚC HỒNG
TRẦN MINH HƯỜNG – HUỲNH VŨ LAM
NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – HỒ TRẦN NGỌC OANH

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

NGŨ VĂN

SÁCH GIÁO VIÊN

10

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

GV	Giáo viên
HS	Học sinh
PV	Phóng viên
SGK	Sách giáo khoa
THPT	Trung học phổ thông
VB	Văn bản
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt
CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* là tài liệu hướng dẫn cách tổ chức dạy học cho sách *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo*. Sách gồm hai phần.

Trong *Phần thứ nhất: Mấy lưu ý chung về nội dung, phương pháp dạy học chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, sách trình bày mục tiêu và quan điểm biên soạn các chuyên đề học tập *Ngữ văn 10*; đặc điểm cấu trúc sách, cấu trúc bài học.

Phần thứ hai: Hướng dẫn dạy học các chuyên đề, sách hướng dẫn cách tổ chức thực hiện dạy học từng chuyên đề học tập.

– Chuyên đề 1: *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian* (kí hiệu: 10.1)

– Chuyên đề 2: *Sân khấu hoá tác phẩm văn học* (kí hiệu: 10.2)

– Chuyên đề 3: *Đọc, viết và giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết* (kí hiệu: 10.3)

Nội dung hướng dẫn tổ chức dạy từng bài học gồm các mục chính: *Những vấn đề chung* (yêu cầu cần đạt; đặc điểm bài học và phân bố số tiết; phương pháp, phương tiện dạy học) và *Tổ chức các hoạt động học chuyên đề*. Các nội dung gợi ý, hướng dẫn ở phần này là sự triển khai cụ thể mục tiêu, quan điểm dạy học chuyên đề học tập của chương trình, đồng thời bám sát yêu cầu cần đạt của từng bài học chuyên đề.

Với tinh thần chia sẻ các gợi ý có tính định hướng nội dung và cách thức tổ chức các hoạt động dạy học, đồng thời tôn trọng tính chủ động, sáng tạo trên lớp học của giáo viên và học sinh, chúng tôi mong rằng Sách giáo viên *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* sẽ hỗ trợ quý thầy cô thực hiện các bài học chuyên đề một cách hiệu quả.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

TRANG

**PHẦN THỨ NHẤT: MẤY LƯU Ý CHUNG VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP
DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10 6**

1. MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN CÁC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10 6

2. ĐẶC ĐIỂM CẤU TRÚC SÁCH, CẤU TRÚC BÀI HỌC 6

PHẦN THỨ HAI: HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ 15

**CHUYÊN ĐỀ 1: TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ
VĂN HỌC DÂN GIAN 15**

CHUYÊN ĐỀ 2: SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC 45

**CHUYÊN ĐỀ 3: ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN
HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT 70**

Chân trời sáng tạo

PHẦN THỨ NHẤT

MẤY LƯU Ý CHUNG VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10

1. MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN CÁC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10

1.1. Quán triệt được tinh thần *Chuẩn mực, Khoa học, Hiện đại*, sách *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, bộ Chân trời sáng tạo được biên soạn nhằm giúp các HS lớp 10 có thiên hướng về văn chương, khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng tốt các yêu cầu cần đạt (YCCĐ) của chương trình Ngữ văn 2018. Cụ thể là:

- Khi hoàn thành chuyên đề 1, chuyên đề 3, HS sẽ bước đầu biết thực hiện một số thao tác nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian; biết nhận xét, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.
- Khi hoàn thành chuyên đề 2, HS có thể tự tin tham gia các hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học cùng bạn bè.

1.2. Về quan điểm biên soạn, nhóm tác giả đặc biệt lưu ý:

• Bám sát mục tiêu môn học đồng thời tạo cơ hội cho HS có thiên hướng theo học các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn có được sự chuẩn bị cần thiết: có những nội dung học tập phân hoá và định hướng nghề nghiệp một cách thiết thực.

• Chú trọng việc hình thành, phát triển năng lực và các phẩm chất cơ bản dựa trên các yêu cầu nâng cao kĩ năng đọc, viết cũng như yêu cầu tập nghiên cứu, tập ứng dụng tổng hợp và sáng tạo.

• Kết nối linh hoạt, hiệu quả giữa việc thực hiện các *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* (35 tiết) với dạy học đọc, viết, nói và nghe theo SGK *Ngữ văn 10* (105 tiết) trong năm học, tạo hiệu ứng cộng hưởng tích cực.

Chẳng hạn, kiến thức và kĩ năng *Viết báo cáo kết quả nghiên cứu* ở Bài 4 HK1; kĩ năng viết VB nghị luận phân tích đánh giá tác phẩm văn học được tích lũy khi thực hành viết theo quy trình trong các bài 1, 3, 6, 8,... được kết nối, tích hợp khi HS thực hiện chuyên đề 1 và chuyên đề 3. Tương tự các bài tập đọc sáng tạo trong nhiều bài học trong SGK *Ngữ văn 10* được kết nối, tích hợp khi HS thực hiện chuyên đề 2.

2. ĐẶC ĐIỂM CẤU TRÚC SÁCH, CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Về cấu trúc sách: Bộ sách bám sát hệ thống YCCĐ (mục tiêu) dạy học mà chương trình Ngữ văn 2018 đặt ra đối với các chuyên đề học tập *Ngữ văn 10*. Sau *Lời nói đầu*, sách trình bày ba chuyên đề thiết kế thành ba bài học, thực hiện trong 33 tuần (trung bình mỗi tuần 01 tiết):

• *Chuyên đề 1: TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN* (trong Chương trình Ngữ văn 2018 ghi kí hiệu: 10.1)

• *Chuyên đề 2: SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC* (trong Chương trình Ngữ văn 2018 ghi kí hiệu: 10.2)

• *Chuyên đề 3: ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, TẬP TRUYỆN NGẮN, HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT* (trong Chương trình Ngữ văn 2018 ghi kí hiệu: 10.3)

2.2. Về cấu trúc bài học – chuyên đề: Tuỳ theo yêu cầu cụ thể về nội dung phương pháp dạy học, mỗi chuyên đề học tập được tổ chức thành hai hoặc ba phần lớn. Có thể hình dung cấu trúc nội dung – yêu cầu cần đạt ba chuyên đề theo các ma trận sau:

MA TRẬN CHUYÊN ĐỀ 1

Nội dung dạy – học	Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)
Phần thứ nhất: Tập nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian (gồm 3 mục chính) Hướng dẫn tìm hiểu: • Cách thức nghiên cứu • Quy trình thực hiện nghiên cứu (và mục bài tập thực hành)	– Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu... [1] – Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu... [2]
Phần thứ hai: Viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu văn học dân gian (gồm 2 mục chính) I. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian II. Thuyết trình kết quả nghiên cứu...	– Biết viết một báo cáo nghiên cứu. [3] – Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu... [4] – Biết thuyết trình một vấn đề ... [5]

MA TRẬN CHUYÊN ĐỀ 2

Nội dung dạy – học	Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)
Phần thứ nhất: Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học (gồm 4 mục chính) I. Từ tác phẩm văn học đến kịch bản sân khấu II. Trải nghiệm vở diễn ...	– Hiểu sân khấu hoá[1] – Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ trong văn bản sân khấu. [2]

Phần thứ hai: Tổ chức xây dựng kịch bản và tập diễn xuất (gồm 3 mục chính) I. So sánh văn bản truyện và kịch bản chuyển thể II. Quy trình xây dựng kịch bản sân khấu hoá và tập diễn xuất III. Thực hành xây dựng kịch bản và tập diễn xuất	– Biết cách tiến hành sân khấu hoá [3a] – Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn. [4]
Phần thứ ba: Quy trình tổ chức hoạt động sân khấu hoá (gồm 3 mục chính) I. Xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ II. Triển khai thực hiện III. Đánh giá, rút kinh nghiệm	– Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học. [3b]

MA TRẬN CHUYÊN ĐỀ 3

Nội dung dạy – học	Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)
Phần thứ nhất: Cách đọc một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết (gồm 3 mục chính) I. Đọc sách: hình thành thói quen và kĩ năng II. Cách đọc... (bao gồm phần thực hành)	– Biết cách đọc [1]
Phần thứ hai: Viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết (gồm 3 mục chính) I. Mục đích... II. Cấu trúc bài giới thiệu... III. Các bước thực hiện...	– Biết cách viết bài giới thiệu [2]
Phần thứ ba: Trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết (gồm 3 mục chính) I. Những yêu cầu chung II. Các bước thực hiện III. Tổ chức sự kiện câu lạc bộ...	– Biết cách trình bày, giới thiệu [3]

Các phần được liên kết với nhau và khi cần, sử dụng các ngữ liệu VB tiêu biểu, phù hợp để dẫn dắt theo phương pháp quy nạp, giúp HS tự hình thành, củng cố các tri thức, kĩ năng theo YCCĐ. Xem danh mục dưới đây:

DANH MỤC NGŨ LIỆU SỬ DỤNG TRONG BA CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

TT	Các ngữ liệu văn bản	Chuyên đề	Trang
1	Về đặc điểm của tục ngữ Việt Nam (theo Vũ Ngọc Phan)	I	7 – 11
2	PGS. Chu Xuân Diên: Văn học dân gian không có bản chính thức duy nhất (phỏng vấn, trích, do PV báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện)	I	19 – 20
3	Phiếu ghi chép trải nghiệm thực tiễn một buổi kể chuyện của người Khmer (theo Huỳnh Vũ Lam)	I	21 – 24
4	Tìm hiểu phương thức biểu đạt trong câu đố và hát đố dân gian về tự nhiên của các dân tộc miền núi phía Bắc (theo Trần Mạnh Tiến)	I	30 – 34
5	Hồn Trương Ba, da hàng thịt (tóm tắt truyện cổ tích, theo Nguyễn Đồng Chi)	II	44
6	Hồn Trương Ba, da hàng thịt (trích, kịch, Lưu Quang Vũ)	II	44 – 49
7	Hồn Trương Ba, da hàng thịt (vở diễn do Điện ảnh Công an nhân dân thực hiện [https://vtv.vn/video/hon-truong-ba-da-hang-thit-474453.htm])	II	51 – 52
8	Chuyện người con gái Nam Xương (trích, Nguyễn Dữ)	II	56 – 58
9	Người con gái Nam Xương (kịch chuyển thể, Nhóm biên soạn)	II	59 – 64
10	Thói quen và kĩ năng đọc sách (trích, Mortimer J Adler (Mơ-tơ-mơ A-đơ-lơ); Charles Van Doren (Cha-xơ Ven Đơ-rân), Hải Nhi dịch	III	75 – 77
11	Gieo trong bóng tối và dịch chuyển về ánh sáng (Lời giới thiệu tập thơ song ngữ “Những hạt giống của đêm và ngày” của Mai Văn Phấn, Susan Blanshard (Su-sân Bờ-len-hát), bản dịch tiếng Việt của Lê Đình Nhất-Lang)	III	91 – 92
12	“Lá cờ thù sáu chữ vàng” bi tráng chân dung người anh hùng tuổi nhỏ nước Đại Việt (Hoàng Thảo, báo Tuổi trẻ)	III	92 – 94

Với chuyên đề 1 và chuyên đề 3, các nhiệm vụ học tập được xây dựng theo nguyên tắc giúp HS hiểu thông qua thực hành đọc phân tích ngữ liệu để nắm được thao tác, quy trình (tập nghiên cứu, viết, thuyết trình). Với chuyên đề 2, các nhiệm vụ học tập được xây dựng theo nguyên tắc giúp HS “tập”, “làm” từ dễ đến khó để hiểu và “thực hành” được đúng thao tác, quy trình.

Theo hướng này, sách đã thiết kế nhiệm vụ/ hoạt động học tập chuyên đề 1 dưới dạng *Sơ đồ; Quy trình nghiên cứu; Quy trình viết bài báo cáo; Bài tập thao tác; các mẫu Phiếu thông tin, Phiếu hỏi chuyên gia; Phiếu ghi chép trải nghiệm; Hệ thống câu hỏi, bài tập và Bảng kiểm;...* Ở chuyên đề 3, dưới dạng các *Phiếu ghi chép về các bài trong tập thơ; Phiếu ghi chép tổng hợp về tập truyện, về cuốn tiểu thuyết;...* Xem các bảng tổng hợp dưới đây:

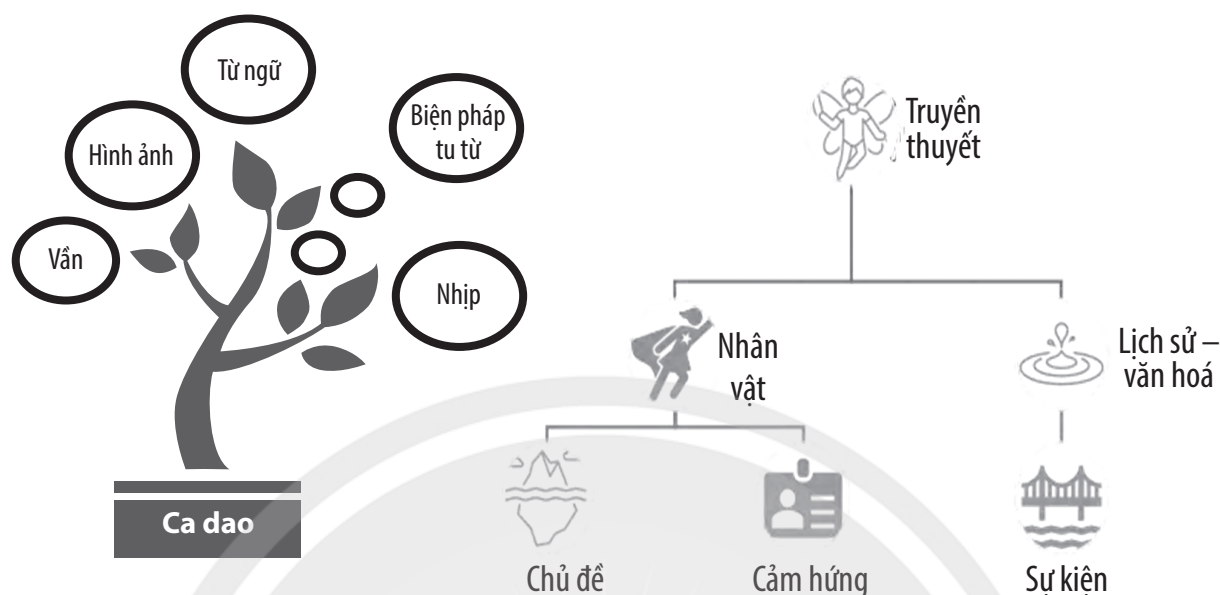
HỆ THỐNG BIỂU BẢNG VÀ BÀI TẬP CHUYÊN ĐỀ 1

TT	Tên biểu bảng, bài tập chuyên đề 1	Trang
1	Sơ đồ các yếu tố hình thức của ca dao; các yếu tố nội dung của truyền thuyết	13
2	Bài tập thao tác	15 – 16
3	Mẫu Phiếu thông tin, Phiếu hỏi chuyên gia	18 – 20
4	Mẫu Phiếu ghi chép trải nghiệm	25
5	Tóm lược quy trình nghiên cứu	27
6	Bảng kiểm	28
7	Bài tập thiết kế dạng biểu bảng	29
8	Yếu tố thần kì	37
9	Tóm lược quy trình viết báo cáo	39

HỆ THỐNG BIỂU BẢNG VÀ BÀI TẬP CHUYÊN ĐỀ 3

TT	Tên biểu bảng, bài tập chuyên đề 3	Trang
1	Phiếu ghi chép về các bài trong tập thơ	81
2	Phiếu ghi chép tổng hợp về tập truyện	86
3	Phiếu ghi chép khi đọc tiểu thuyết	87
4	Bài tập thao tác	88 – 89

Ví dụ 1, sơ đồ trực quan hoá một số yếu tố hình thức của ca dao và một số yếu tố của truyền thuyết.



Ví dụ 2, bài tập thực hành xác định mục đích nghiên cứu sau khi đã xác định vấn đề nghiên cứu (*Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, tr.15)

Đề tài đã xác định vấn đề nghiên cứu	Mục đích nghiên cứu
1) Về một đặc điểm hình thức của tục ngữ: cách gieo vần.	Tìm hiểu hình thức của tục ngữ qua cách gieo vần.
2) Nghệ thuật so sánh, ví von trong những câu hát dân gian than thân.	
3) Hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> .	Giải thích nguyên nhân tạo hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trong truyện dân gian – qua trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> .
4) Cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.	
5) Cách nói ngược trong bài ca dao/ đồng dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>	Tìm hiểu tác dụng của hình thức nói ngược đối với nội dung trong bài ca dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>

Ví dụ 3, bài tập thực hành xác định câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu sau khi đã xác định vấn đề nghiên cứu (*Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, tr.16)

Đề tài đã xác định vấn đề nghiên cứu	Câu hỏi nghiên cứu	Giả thuyết nghiên cứu
1) Về một đặc điểm hình thức của tục ngữ: cách gieo vần.	Cách gieo vần có ảnh hưởng đến ý nghĩa và cách sử dụng của tục ngữ hay không?	Cách gieo vần có ảnh hưởng đến ý nghĩa và cách sử dụng của tục ngữ.
2) Nghệ thuật so sánh, ví von trong những câu hát dân gian than thân.		
3) Hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá – trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> .	Vì sao có hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá – trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> ?	Diễn xướng lễ hội và việc ghi chép thần tích trong đền miếu là nguyên nhân của hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> .
4) Cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.		
5) Cách nói ngược trong bài ca dao/ đồng dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>	Cách nói ngược có ảnh hưởng như thế nào đến nội dung bài ca dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i> ?	Cách nói ngược vừa tạo hiệu ứng về hình thức vừa nhấn mạnh về nội dung của bài ca dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chân...</i>

Với chuyên đề 2, sách thiết kế các biểu bảng và một hệ thống bài tập chọn lọc trong thực hành soạn kịch bản và thực hành thao tác diễn xuất. Xem bảng dưới đây:

HỆ THỐNG BIỂU BẢNG VÀ BÀI TẬP CHUYÊN ĐỀ 2

TT	Tên biểu bảng, bài tập chuyên đề 2	Trang
1	Bài tập thao tác soạn kịch bản (4 bài)	67 – 70
2	Bảng kiểm kĩ năng lập dàn ý cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học	67
3	Bảng kiểm kĩ năng viết lời thoại và chú thích nghệ thuật cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học	70
4	Bài tập thao tác tập diễn xuất (4 bài)	71
5	Mẫu Bảng kế hoạch	72
6	Mẫu Bảng đánh giá kĩ năng sân khấu hoá tác phẩm văn học	74

Ví dụ: mẫu Bảng kiểm kĩ năng viết lời thoại và chú thích nghệ thuật cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học (*Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, tr.70)

Thông tin và ý tưởng	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
<i>Chỉ dẫn sân khấu về cách trình bày sân khấu và diễn xuất</i>	Tên màn kịch (dự kiến). Bối cảnh không gian, thời gian.		
	Nhân vật, nhóm nhân vật sẽ xuất hiện.		
	Gợi ý về hành vi, giọng nói, sắc thái biểu cảm với các lời thoại/ lượt thoại.		
	Sự rõ ràng, ngắn gọn, đích đáng.		
<i>Lời thoại của nhân vật</i>	Tính đối thoại và tác động (đối với nhân vật đồng quan điểm hoặc khác quan điểm).		
	Tính khẩu ngữ/ phù hợp để trình diễn.		
	Tính biểu cảm/ biểu đạt (thể hiện phù hợp với tính cách, tâm lí, trạng thái cảm xúc,... của nhân vật).		
	Kết hợp độc thoại, đối thoại, bàng thoại khi cần.		

Một số lưu ý chung về phương pháp dạy học

Chuyên đề học tập trước đây hầu như chủ yếu thực hiện trong các trường chuyên lớp chọn. Nay chuyên đề học tập là nội dung học tập bắt buộc đối với HS ở tất cả các trường THPT (ở đây là “bắt buộc” theo thiên hướng lựa chọn nghề nghiệp chuyên môn của người học để theo học trường nghề hoặc học lên bậc đại học, sau đại học). Do vậy, khi tổ chức thực hiện các chuyên đề học tập, GV cần lưu ý một số điểm dưới đây:

Thứ nhất: Hướng dẫn HS thực hiện các YCCĐ có tính nâng cao đối với các hoạt động *đọc, viết, thuyết trình, nhận xét phản biện,...* trong các chuyên đề học tập. Cũng là *đọc, viết, nói và nghe*, nhưng không phải là sự “nối dài” các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* thông thường như khi học tập các bài trong SGK.

Đọc là đọc sâu, đọc kĩ, đọc có tính nghiên cứu nhằm phát hiện, khái quát vấn đề trong nghiên cứu, sáng tạo. Chẳng hạn, khi HS đọc ngữ liệu tham khảo về *Đặc điểm nội dung, hình thức tục ngữ Việt Nam* của nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan, cần lưu ý HS:

không chỉ biết cách đọc một trích đoạn theo thể loại, quan trọng là phải rút ra được cách thức mà nhà nghiên cứu đã thực hiện công việc nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian như thế nào (ví dụ: Ông đã đặt ra câu hỏi nghiên cứu gì? Xem xét đối tượng trên những phương diện nào? Thực hiện các thao tác gì?... để có được các nhận định kết luận trong bài nghiên cứu của mình).

Viết không phải là viết một đoạn, một bài văn theo đề bài cho sẵn mà là viết báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề cụ thể do mình tìm tòi phát hiện, là viết bài giới thiệu về một tập truyện, tập thơ hay về một tác phẩm văn học “cổ lớn”, là tập soạn một màn kịch chuyển thể có tính sáng tạo từ tác phẩm văn,... Tất cả đều đòi hỏi ở HS có kĩ năng phối hợp nhiều khâu, nhiều thao tác phức tạp trong quy trình viết.

Hoạt động nói và nghe cũng vậy. *Nói* ở đây là thực hiện thành bài thuyết trình hoàn chỉnh, có quy mô về một vấn đề/ đề tài khoa học; *nghe* là nắm bắt nội dung luận điểm khoa học, nghe và đưa ra nhận xét, phản biện, góp ý xác đáng,... Đó cũng đều là những nhiệm vụ học tập có tính năng cao rõ rệt về yêu cầu cần đạt so với nói và nghe trong các bài học theo SGK.

Thứ hai: Tổ chức cho HS luyện tập các bài tập thực hành từ dễ đến khó, từ cụ thể đến khái quát, từ đơn giản đến phức tạp. Chẳng hạn với chuyên đề 1 và 3, cần hướng dẫn HS thực hành thao tác trước khi thực hành tổng hợp:

- Thực hành tìm kiếm vấn đề, xác định đề tài.
- Thực hành thu thập, xử lí tư liệu.
- Thực hành lập danh mục tham khảo, các biểu mẫu, các phiếu hỏi.
- Thực hành trải nghiệm thực tế, ghi chép, phỏng vấn chuyên gia.
- ...

Với chuyên đề 2, *Sân khấu hoá tác phẩm văn học*, các bài tập cần được thực hiện từ dễ đến khó, từ thao tác công đoạn đến tổng hợp, tổng thể.

Đối với **hoạt động tập soạn kịch bản:**

- Lập dàn ý/ đề cương việc chuyển thể tác phẩm đã học (Bài tập 1).
- Tập viết lời chú thích nghệ thuật và tự đánh giá theo bảng kiểm (Bài tập 2 và 3).
- Soạn kịch bản theo đề cương và tự đánh giá bằng bảng kiểm (Bài tập 4).

Đối với **hoạt động tập diễn xuất:**

- Tập chuyển đọc diễn cảm thành nói biểu cảm (Bài tập 1).
- Tập biểu cảm lời đối thoại, độc thoại (Bài tập 2).
- Diễn xuất vào vai các cặp nhân vật biểu cảm một số đoạn thoại, cuộc thoại (Bài tập 3).
- Tập tổ chức đạo diễn và diễn xuất một màn kịch (trích) (Bài tập 4).

Thứ ba: Trên lớp, cần phát huy vai trò hướng dẫn, năng lực thị phạm (khi cần) của GV. GV cần dành thời gian hướng dẫn cận kề, quan tâm đúng mức đến từng nhóm đối tượng HS, tạo nhiều cơ hội cho HS thực hành đọc mở rộng, viết ứng dụng và thực hành các thao tác tập nghiên cứu, tập viết báo cáo, tập viết kịch bản, tập thuyết trình, tập diễn xuất, tập phản biện/ tương tác nói và nghe,... HS không có cách nào khác là phải tích cực, chủ động trong thực hành.

Tuy nhiên, không nên nhân danh yêu cầu hay nguyên tắc “thực hành” mà giao khoán hẳn các đề tài, nhiệm vụ học tập cho HS về nhà tự mày mò thực hiện; trái lại, bài học chuyên đề trên lớp cần thể hiện rõ vai trò và hoạt động của cả GV lẫn HS. Trước và trong khi HS làm việc, GV cần theo sát, kịp thời đưa ra những hướng dẫn, hỗ trợ một cách cụ thể, rành mạch về các thao tác hay quy trình thực hiện. Cần không nên biến tiết học chuyên đề thành các tiết để một số HS hay một vài nhóm HS trình bày, trình diễn sản phẩm/ kết quả làm việc tự phát (“tự biên, tự diễn”) của mình.

Thứ tư: Các hoạt động thực hành trong học tập chuyên đề đều là các hoạt động có tính chuyên môn, phức tạp. Vì thế không thể kì vọng đặt ra yêu cầu nhiệm vụ quá cao vượt lên trên mức “tập...”, “biết...”, “bước đầu...” đối với số đông HS trong lớp.

Thứ năm: Về đánh giá kết quả học tập, với phần lớn các nội dung trọng tâm trong từng chuyên đề, SGV đều có đưa ra mẫu bảng kiểm để không chỉ GV mà cả HS cũng có cơ hội đánh giá và tự đánh giá kĩ năng sản phẩm của bạn hay của mình. Tuy vậy, như đã nói, cần lưu ý ở mức chính là “tập...”, “biết...”, “bước đầu...” đối với số đông HS trong lớp.

Thứ sáu: Về thời gian, bài học các chuyên đề học tập đều được thiết kế nhằm triển khai thực hiện trong *nhiều tuần*: thời gian ấy đủ dài để ngấm và thấm các tri thức, miễn là GV lên được kế hoạch dạy học khá cụ thể, hợp với thực tế, đối tượng HS. Về thời khoá biểu, tùy tình hình kế hoạch của mỗi trường, thầy cô trong tổ cần thống nhất đăng kí lịch dạy học từng chuyên đề sao cho phù hợp. Chẳng hạn, nếu không tiện rải đều mỗi tiết một tuần, có thể dồn hai ba tiết vào một buổi để cứ hai, ba tuần dành một buổi dạy học chuyên đề.

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ

Chuyên đề 1

TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Yêu cầu cần đạt

Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất*, *năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Biết yêu quý cộng đồng và sống có trách nhiệm với gia đình, xã hội và cộng đồng.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học*, *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc hiểu*, *tập nghiên cứu*, *viết báo cáo*, *thuyết trình trao đổi*,... trong quá trình học tập chuyên đề, nhằm đáp ứng các (YCCĐ) như sau:

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu.
- Biết thuyết trình một vấn đề của văn học dân gian.

Lưu ý: Mức độ thành công hay chất lượng của bài học, về cơ bản, phụ thuộc vào chất lượng thực hiện các YCCĐ nêu trên.

1.2. Đặc điểm bài học và phân bố số tiết

1.2.1. Đặc điểm bài học

a. Về nhiệm vụ của chuyên đề:

– Dựa trên những kiến thức đã học trong SGK *Ngữ văn 10* bộ sách *Chân trời sáng tạo*, chuyên đề giúp HS hiểu sâu và rộng hơn về văn học dân gian qua việc xác định các

vấn đề, cách đặt câu hỏi nghiên cứu; đồng thời cũng giúp rèn luyện các bước nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian qua việc xây dựng đề cương, cách tìm tài liệu để viết bài nghiên cứu. Kết quả thu được của phần này là đề cương nghiên cứu và tư liệu phục vụ cho viết báo cáo.

– Từ những dữ liệu có được và các bước thực hiện trong đề cương, HS sẽ được hướng dẫn viết báo cáo và thuyết trình vấn đề nghiên cứu. Sản phẩm của hai hoạt động này là các bài nghiên cứu hoàn chỉnh và tổ chức một buổi trình bày hoặc tọa đàm trước lớp những gì đã thực hiện.

b. Về cấu trúc bài học:

Phần thứ nhất: Tập nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian

- a. Tìm hiểu cách thức nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian
- b. Các bước thực hiện nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian
- c. Bài tập thực hành

Phần thứ hai: Viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian

- a. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian
- b. Thuyết trình kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian

Ma trận yêu cầu cần đạt – nội dung dạy học chuyên đề 1

Nội dung dạy – học	Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)
Phần thứ nhất: Tập nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian a. Khái quát về một vấn đề văn học dân gian b. Tìm hiểu cách thức nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian c. Bài tập thực hành	– Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. – Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.
Phần thứ hai: Viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian a. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian b. Thuyết trình kết quả nghiên cứu về một vấn đề trong tác phẩm văn học dân gian	– Biết viết một báo cáo nghiên cứu. – Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để viết về văn học dân gian. – Biết thuyết trình một vấn đề của văn học dân gian.

1.2.2. Phân bố số tiết

Tổng số tiết: 10 (9 tiết dạy trên lớp, 1 tiết ở nhà). Chia ra:

Phần thứ nhất: Tập nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian (5 tiết).

Phần thứ hai: Viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian (4 tiết).

Bài tập thực hành: 1 tiết ở nhà.

Việc phân bổ thời gian cho hoạt động rèn luyện từng kĩ năng được xác định theo tiêu chuẩn chung với số lượng tiết học nêu trên. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng sư phạm sau:

1.3. Phương pháp và phương tiện dạy học

1.3.1. Phương pháp dạy học

Kết hợp diễn giảng gắn với việc tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, trình bày ý kiến, đóng vai.

Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn,...

Tổ chức cho nhiều HS có cơ hội thực hành đọc, viết, nói và nghe.

1.3.2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.
- Ảnh chân dung tác giả; máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh, ảnh, tư liệu liên quan.
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu *Chuẩn bị đọc, Suy ngẫm và phản hồi*) trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

...

2. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ

2.1. Giới thiệu bài học

GV tham khảo lời giới thiệu trong sách chuyên đề để tạo phần giới thiệu sao cho cuốn hút, hấp dẫn, tạo tâm thế và sự tò mò tìm hiểu bài học của HS. Tuy nhiên, việc giới thiệu bài học cần ngắn gọn, linh hoạt, tạo được không khí lớp học phù hợp với việc học tập chuyên đề. GV cũng cần mô tả và thống nhất với HS số lượng tiết học, cách bố trí và cách học tập một chuyên đề vốn kéo dài trong nhiều tuần.

2.2. Dạy học phần thứ nhất:

TẬP NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

2.2.1. Nguyên tắc chung

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bố cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu (Xem *Ma trận YCCĐ – câu hỏi đọc hiểu* đối với VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu Đọc VB, Trả lời câu hỏi, Thực hành theo yêu cầu của chuyên đề.

Thứ ba: Coi trọng thực hành, các hoạt động trên lớp và sản phẩm HS tạo lập được.

Ma trận YCCĐ – câu hỏi đọc hiểu (Đặc điểm tục ngữ Việt Nam)

Yêu cầu cần đạt	Câu hỏi đọc hiểu
Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.	1, 2, 3, 4
Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.	5

2.2.2. Gợi ý tổ chức các hoạt động

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: VỀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỤC NGỮ VIỆT NAM

a) Chuẩn bị đọc:

Yêu cầu của nội dung này là cho HS nắm được cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. Việc đọc hiểu ngoài nhiệm vụ nắm thông tin ra còn có mục tiêu theo dõi và rút ra cách thức một bài nghiên cứu được tổ chức và trình bày.

Vì là chuyên đề đầu tiên, GV nên giải thích lại về cách thức đọc và theo dõi các box nằm rải rác trong VB và hệ thống câu hỏi hướng dẫn. Các box này nhằm “đánh dấu” những nội dung chi tiết liên quan đến yêu cầu, cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian, không phải là các box kĩ năng đọc như trong SGK. Đọc VB, cụm VB ở đây được đặt trong mạch hướng dẫn tập nghiên cứu không phải là nối dài việc dạy học đọc cho SGK *Ngữ văn 10*. Khi hướng dẫn HS, GV cần hiểu rõ sự khác biệt này.

b) Đọc văn bản:

Với văn bản nghiên cứu có dung lượng vừa phải này: GV có thể mời HS đọc thành tiếng hoặc đọc thầm (GV có thể yêu cầu HS tìm đọc VB hoàn chỉnh như là một kĩ năng đi tìm tài liệu).

c) Gợi ý trả lời các câu hỏi

Câu hỏi 1

– *Yêu cầu:* Câu hỏi yêu cầu bạn xác định vấn đề văn học dân gian được thể hiện trong một VB nghiên cứu được trích và được gợi ý trả lời từ những chi tiết cụ thể.

– *Cách thực hiện:*

+ Thực hiện cá nhân;

+ HS đọc kĩ câu hỏi và đọc lướt VB, để ý các yếu tố có khả năng gợi ý trả lời (nhan đề và các mục chính);

+ Căn cứ suy đoán: dựa vào nhan đề và các đề mục 1. *Nội dung tục ngữ* và 2. *Hình thức tục ngữ* của bài viết.

– *Đáp án tham khảo:* VB trình bày đặc điểm của một thể loại văn học dân gian: tục ngữ Việt Nam. Đáp án đúng là câu “b. Một thể loại văn học dân gian”.

Câu hỏi 2

– *Yêu cầu:* Câu hỏi yêu cầu HS xác định cấu trúc VB theo nhiều cấp (phương diện), nhiều bậc và thể hiện nó thành sơ đồ để dễ nhận thức.

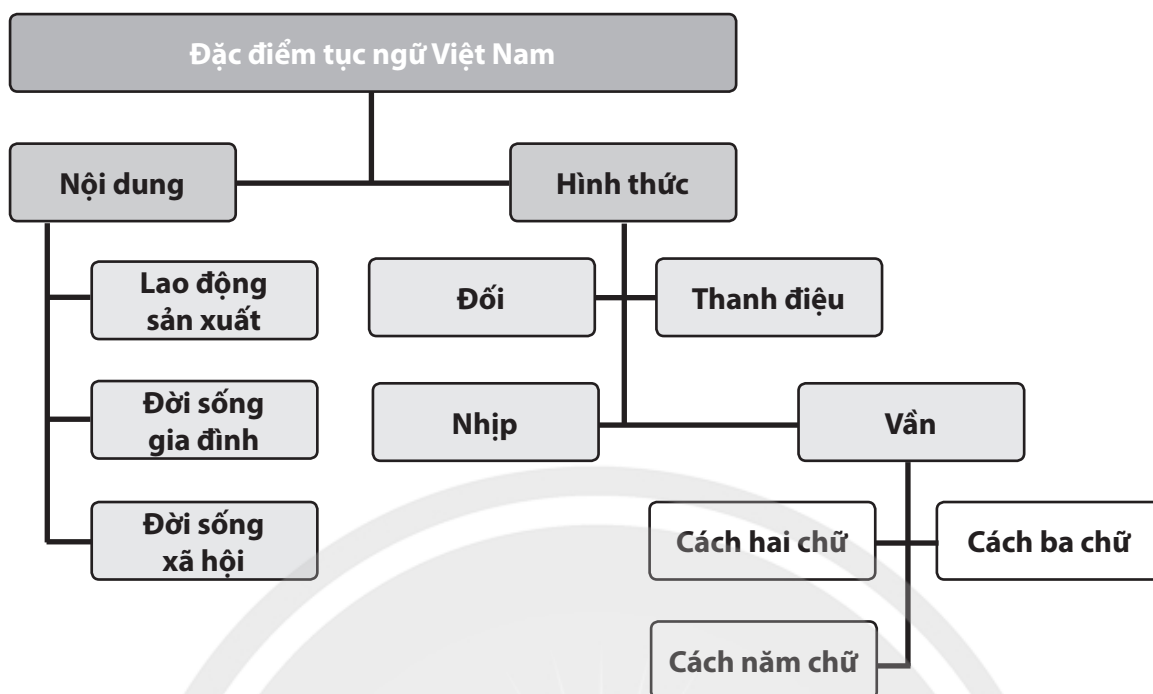
– *Cách thực hiện:*

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;

+ HS đọc kĩ câu hỏi và đọc kĩ VB, để ý các yếu tố có khả năng gợi ý trả lời (các box, các mục);

+ Căn cứ suy đoán: Dựa vào các mục 1, 2 và các box chỉ dẫn đọc hiểu. Cụ thể: ở mục 1. *Nội dung của tục ngữ*, ở trang 7 (SGK) có box chỉ dẫn: “Chú ý xem xét tục ngữ từ phương diện nội dung”; ở đoạn 2 cùng trang, là một box chỉ dẫn: “Chú ý cách triển khai các nội dung cụ thể của phương diện nội dung”. Ở cuối trang 7 còn có đoạn tác giả tóm tắt nội dung: “Tóm lại, về nội dung, tục ngữ là những sự nhận định ... được đúc kết qua nhiều thế hệ của con người”.

– *Đáp án tham khảo:* Tác giả trình bày tục ngữ Việt Nam ở hai phương diện: nội dung và hình thức. Trong phương diện nội dung, tác giả xem xét ở các yếu tố kinh nghiệm về lao động sản xuất, đời sống gia đình, đời sống xã hội. Trong phương diện hình thức, tác giả xem xét ở các yếu tố: đối, vần, nhịp, thanh điệu. Vần trong tục ngữ chủ yếu là vần lưng với nhiều dạng: cách hai chữ, ba chữ, năm chữ,...



Câu hỏi 3

– *Yêu cầu:* Câu hỏi yêu cầu HS xác định phương pháp nghiên cứu của tác giả để từ đó hướng đến việc HS hiểu và vận dụng trong nghiên cứu. Do câu này không phải là dạng nhận biết mà là thông hiểu (làm vào vở) nên yêu cầu HS phải giải thích thêm thao tác đó thể hiện như thế nào.

– *Cách thực hiện:*

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;

+ HS đọc kĩ VB và câu hỏi, để ý các yếu tố có khả năng gợi ý trả lời (dẫn chứng, lí lẽ);

+ Căn cứ suy đoán: các box chỉ dẫn đọc hiểu, các chi tiết được đánh dấu bằng ngoặc kép, các câu mở đầu đoạn văn là căn cứ quan trọng giúp nhận diện các thao tác/ phương pháp để nhà nghiên cứu sử dụng. Ví dụ, trong đoạn văn chứa thao tác so sánh ở cuối trang 9 (SGK) thì câu đầu tiên gợi ý cho người đọc suy đoán về cách so sánh qua cụm từ “như trên”, giống nhiều câu ca dao, thể lục bát khác. Hay là từ “tóm lại” trong câu “Tóm lại, về nội dung, tục ngữ là những sự nhận định sau kinh nghiệm của con người ta về lao động, về sản xuất, về cuộc sống trong gia đình, cuộc sống trong xã hội” ở trang 7 (SGK) thì gợi ý về thao tác tổng hợp.

– *Đáp án tham khảo:* Các thao tác được sử dụng trong VB:

+ *Phân tích:* Chia vấn đề (tục ngữ) ra thành các mặt, khía cạnh (hình thức và nội dung) để làm rõ đặc điểm của đối tượng. Trong từng mặt, từng khía cạnh lại

tiếp tục chia nhỏ, nêu dẫn chứng và lí giải các chi tiết nhằm giúp người đọc hiểu sâu hơn. Về hình thức tục ngữ, tác giả đã xác định nhiều loại vần, đi sâu vào từng trường hợp, có dẫn chứng cụ thể.

+ *Tổng hợp*: Sau khi phân tích các mặt biểu hiện của nội dung tục ngữ, tác giả có tổng hợp lại thành một ý khái quát ở cuối đoạn 2. Hoặc là, sau khi phân tích nội dung các câu tục ngữ về khí tượng, về việc đòi và lao động, cô đọng thành những phương châm, tác giả tổng hợp lại trong câu: “Đó là đặc điểm của tục ngữ: nội dung của nó khác với ca dao và dân ca, hầu hết đều là những bài do cảm xúc mà có”.

+ *So sánh*: Trong phần cuối, sau khi phân tích nội dung và hình thức tục ngữ, tác giả đã đối chiếu ca dao với tục ngữ để làm rõ sự ra đời sớm của tục ngữ.

+ *Thống kê*: Để tăng thêm phần thuyết phục và cung cấp tri thức cho người đọc, VB đã dùng cách liệt kê những trường hợp các câu tục ngữ có vần liền kề nhau: *sa – gà; tạt – giạt, treo – mèò, đặc – mặc,...*

Câu hỏi 4

– *Yêu cầu*: Câu hỏi yêu cầu bạn suy đoán cách thức tác giả Vũ Ngọc Phan đã tìm hiểu, thu thập thông tin khi nghiên cứu và viết VB về tục ngữ.

– *Cách thực hiện*:

+ Thực hiện cá nhân hoặc theo nhóm;

+ HS đọc kĩ VB; tự đặt và trả lời một vài câu hỏi phụ. Ví dụ: Tác giả có tập hợp, thu thập, phân loại các câu tục ngữ, tham khảo bài viết của người khác hay không? Dựa vào đâu bạn suy ra điều đó?

+ Căn cứ suy đoán: dựa vào bố cục, đề mục, nội dung chi tiết từng phần trong VB [suy đoán (1), (2)]; dựa vào các vế câu, chi tiết trích dẫn [suy đoán 3]: “tục ngữ, ca dao có thể xuất hiện cùng với thần thoại và truyền thuyết”; “tiếng hát xuất hiện trong lao động sau khi loài người có tiếng nói”.

– *Đáp án tham khảo*:

+ Tác giả phải thu thập, phân loại các câu tục ngữ theo nhiều yêu cầu như: tập hợp, phân nhóm câu để khảo sát về nội dung, về hình thức. (1)

+ Tìm các ví dụ câu tương ứng với các dạng thức gieo vần, ngắt nhịp, phối thanh. (2)

+ Liên hệ trích dẫn thể loại khác; trích dẫn ý kiến của các nhà nghiên cứu khác hay của mình từ các bài viết khác. (3)

Câu hỏi 5

– *Yêu cầu*: Đây là câu hỏi mở, mục tiêu là yêu cầu HS thể hiện khả năng tổng hợp và đề xuất những luận điểm từ những dữ liệu có được từ bốn câu hỏi ở trên.

– *Cách thực hiện:*

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm, hoạt động nhóm là hiệu quả nhất;

+ HS đọc kĩ lại các câu hỏi để sắp xếp lại các ý cho hợp lí;

+ Căn cứ suy đoán: từ các đáp án của câu 1 – 4, HS diễn đạt lại thành phương pháp nghiên cứu: 1) VB trình bày đặc điểm của một thể loại văn học dân gian → “vấn đề nghiên cứu”; 2) Trình bày tục ngữ Việt Nam ở hai phương diện: nội dung và hình thức → sơ đồ đề cương, các ý chính; 3) Các thao tác được sử dụng trong VB → phương pháp nghiên cứu; 4) Tổng hợp các thao tác (1), (2), (3) → cách tiến hành và viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

– *Đáp án tham khảo:* Căn cứ vào các ý trả lời của bốn câu hỏi phía trên, có thể gợi ý cho HS về phương pháp nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian gồm:

+ Xác định vấn đề nghiên cứu;

+ Xây dựng dàn ý, đề cương nghiên cứu;

+ Vận dụng các phương pháp nghiên cứu;

+ Cách tiến hành và viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Tri thức về văn học dân gian và vấn đề văn học dân gian

– *Yêu cầu:* HS đọc, nhận diện và phân biệt được một vấn đề văn học dân gian khác với tác phẩm văn học dân gian. Đây là phần mở rộng, bổ sung cho tri thức đọc hiểu của SGK *Ngữ văn 10* (vốn chỉ nói về thể loại thần thoại và tác phẩm thần thoại).

– *Cách thực hiện:* GV yêu cầu HS đọc và hệ thống hoá các luận điểm thành sơ đồ tư duy hoặc phiếu học tập.

b. Một số gợi ý thêm

*** Về văn học dân gian**

– Nói văn học dân gian truyền bá chủ yếu theo “phương thức truyền khẩu” là một cách nói khác của phương thức truyền miệng (hay trao truyền bằng lời nói), lưu lại trong trí nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tuy nhiên, khi xã hội có chữ viết, cách trao truyền bằng lời nói ngày càng mai một, thậm chí có nhiều môi trường không còn tìm thấy. Việc truyền bá văn học dân gian chuyển sang chữ viết và các hình thức sinh hoạt văn hoá khác (âm nhạc, sân khấu, đặc biệt là lễ hội dân gian,...) ngày càng phổ biến. Hiểu điều này sẽ giúp việc nghiên cứu văn học dân gian toàn diện và khoa học hơn.

– Văn học dân gian tồn tại trong đời sống theo cách pha trộn nhiều yếu tố tham gia trong một bối cảnh cụ thể, nhưng khi chuyển thành VB lưu trữ và nghiên cứu, người ta thường xếp thành loại thể do chúng có những đặc điểm riêng. Do vậy,

cần phân biệt thể loại tác phẩm khi nghiên cứu và sản phẩm ghi nhận được khi tìm hiểu ngoài thực địa. Khi sưu tầm, tìm hiểu ngoài thực tế cần nhìn nhận văn học như một tổng thể nhiều yếu tố, nên ghi nhận tất cả, xem xét ở nhiều khía cạnh. Khi phân tích, lưu trữ sẽ xử lý sau về mặt VB thể loại.

– Tính thực tiễn khi sáng tác và diễn xướng của văn học dân gian chiếm tỉ trọng lớn trong đặc trưng loại hình văn học. Vì vậy, khi tìm hiểu, không nên xem xét nhìn nhận theo kiểu VB tác phẩm văn học viết mà cần đặt tác phẩm trong thể diễn xướng, có yếu tố người nói, người nghe, bối cảnh tác động. Chẳng hạn, cũng một câu ca dao nhưng trong hoàn cảnh đối đáp nam nữ sẽ khác với hoàn cảnh than thân trách phận. Cũng là kết thúc một truyện cổ tích nhưng khi kể, người ta thường gắn vào yếu tố giáo huấn, điều này có thể không xuất hiện trong VB. Do đó, khi đọc đến phần này, HS nên hiểu lời căn dặn, đúc kết kinh nghiệm không phải là nội dung của câu chuyện.

***Về vấn đề văn học dân gian**

Khi dùng khái niệm “vấn đề văn học dân gian” tức là muốn nói đến những yếu tố rộng hơn tác phẩm văn học dân gian (vốn đã học trong SGK *Ngữ văn 10*). Vấn đề là đặc điểm liên quan đến nhiều tác phẩm của một thể loại, nhiều thể loại hoặc liên quan đến đặc trưng của loại hình văn học dân gian. Do đó, khi nghiên cứu vấn đề, không nên gói gọn và chú tâm quá nhiều vào các chi tiết trong một tác phẩm mà cần nhìn nó trong nhiều tác phẩm, nhiều môi trường.

– Mỗi loại vấn đề mà sách chuyên đề nêu là những đối tượng nghiên cứu thường gặp trong quá trình tiếp cận, nhưng không chỉ có thế. Tùy vào điều kiện của HS và nhà trường, GV chọn lấy vấn đề để tìm hiểu. Sản phẩm cuối cùng mà HS có được mới chính là yêu cầu quan trọng cần hướng tới. Trong nghiên cứu, chọn trúng vấn đề là thành công bước đầu nhưng sản phẩm tạo ra mới khẳng định giá trị của công trình.

– Vấn đề văn học dân gian có nét tương đồng với vấn đề văn học viết ở chỗ giao nhau giữa các tác phẩm và thể loại, nhưng dị biệt với văn học viết ở tính truyền miệng và mối quan hệ trực tiếp với thực tế đời sống¹. Thế mạnh và đặc trưng của văn học dân gian không chỉ nằm trên VB mà còn nằm trong đời sống văn hoá.

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Đây là phần lí thuyết về phương pháp và kĩ thuật tiến hành nghiên cứu vấn đề văn học dân gian. Trong mỗi bước hướng dẫn, chuyên đề có đưa ra ví dụ để giúp HS hiểu rõ và một số bài tập kèm theo để vận dụng ngay.

¹ Trong một số tài liệu khác gọi là *tính nguyên hợp*.

a. Yêu cầu

HS hiểu cách thức tiến hành nghiên cứu một vấn đề, có khả năng hoàn thành các bài tập trên lớp và tạo lập được đề cương nghiên cứu.

Cách thực hiện: GV yêu cầu HS đọc và hệ thống hoá ý thành sơ đồ tư duy và hoàn thành các phiếu học tập.

GV có thể sử dụng các hình ảnh trong chuyên đề để tạo thành phiếu học tập.

b. Một số gợi ý

* Về yêu cầu xác định đề tài, mục đích và lập kế hoạch nghiên cứu

– Xác định đề tài nghiên cứu:

+ Ngoài sơ đồ tư duy, GV có thể hướng dẫn HS nhiều cách thức để tìm đề tài nghiên cứu (công não, KWL, khăn trải bàn,...). Cách tìm đề tài, xác định mục tiêu và lập kế hoạch nghiên cứu của vấn đề văn học dân gian không khác các lĩnh vực khác vì đó là những thao tác khoa học chung. Điều khác biệt là vấn đề văn học dân gian cần lưu ý đến bản chất thẩm mỹ trong ngôn từ, tính hình tượng trong ý nghĩa và tính diễn xướng trong môi trường thực tế.

+ Tính vấn đề của một đề tài thường chứa từ hai yếu tố trở lên: đối tượng và đặc điểm tạo ra “vấn đề” của tác phẩm. Điều này được xem như một trong những dấu hiệu căn bản của đề tài nghiên cứu.

– Xác định mục đích, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu:

+ *Yêu cầu:* HS viết được mục đích nghiên cứu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu dựa trên đề tài đã có trong sách chuyên đề.

+ *Cách thực hiện:* Làm việc cá nhân hoặc nhóm, sử dụng bảng trong chuyên đề như một loại phiếu học tập. HS căn cứ vào các câu trả lời đã có sẵn (1, 3, 5) để hoàn thành các câu còn trống (2, 4) tương đương.

+ *Các đáp án tham khảo:*

Đề tài đã xác định vấn đề nghiên cứu	Mục đích nghiên cứu
2) Nghệ thuật so sánh, ví von trong những câu hát than thân trách phận.	Tìm hiểu giá trị nghệ thuật của phép so sánh trong các câu ca dao than thân.
4) Cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.	Tìm hiểu ý nghĩa và giá trị nhân văn của cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.

Bảng câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu ở trang 16.

Đề tài đã xác định vấn đề nghiên cứu	Câu hỏi nghiên cứu	Giả thiết nghiên cứu
2) Nghệ thuật so sánh, ví von trong những câu hát than thân trách phận.	Nghệ thuật so sánh có mang lại giá trị khác cho các câu ca dao than thân hay không?	Nghệ thuật so sánh có mang lại giá trị khác cho các câu ca dao than thân hay không?
4) Cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.	Cái kết có hậu có ảnh hưởng đến giá trị nhân văn của truyện cổ tích hay không?	Cái kết có hậu ảnh hưởng đến giá trị nhân văn của truyện cổ tích.

– Lập kế hoạch nghiên cứu:

+ *Yêu cầu*: HS hiểu được tinh thần của việc lập kế hoạch là để dự liệu các công việc sẽ làm, phân công nhiệm vụ, xác định thời gian và yêu cầu sản phẩm. Cách thức và hình thức thể hiện thì GV nên khuyến khích sự sáng tạo của các em. Khi lập đề cương, GV cần lưu ý các em tính chất cân đối giữa luận điểm, luận cứ thể hiện qua các mục, tiểu mục.

+ *Cách thực hiện*: GV có thể dùng mẫu ở bài tập trang 29 (SGK) để làm phiếu học tập hoặc tự sáng tạo ra mẫu khác.

+ *Sản phẩm*: Bảng kế hoạch có đủ các yếu tố theo mẫu hoặc có thể HS tự sáng tạo hình thức khác. HS có thể sử dụng hình ảnh trong sách chuyên đề để in ra làm kế hoạch hoặc thiết kế lại, miễn sao đáp ứng các phần theo mẫu và có tính thẩm mỹ.

*** Thu thập thông tin về đề tài, vấn đề nghiên cứu**

– *Thu thập thông tin từ tài liệu*

Đây là lĩnh vực thông tin thu được từ sách, tạp chí, báo,... các ấn phẩm cần ghi chép lại khi đọc để làm tư liệu cho nghiên cứu. Mục đích của việc đọc sách theo phiếu là rèn HS có một thói quen tốt trong quá trình nghiên cứu khoa học nói chung và môn Ngữ văn nói riêng. Thói quen này còn giúp ích cho HS trong nhiều lĩnh vực khác.

+ *Yêu cầu*: HS biết được ý nghĩa các mục trong phiếu và biết cách tóm lược ý khi đọc sách.

+ *Cách thực hiện*: Yêu cầu HS cùng đọc một phần tài liệu và thực hiện ghi phiếu, sau đó so sánh kết quả và cùng nhau nhận xét, góp ý.

+ *Sản phẩm*: Phiếu ghi chép có đủ các yếu tố *biết, hiểu, dùng*. HS có thể sử dụng hình ảnh trong sách chuyên đề để in ra làm phiếu ghi chú hoặc thiết kế lại, miễn sao đáp ứng các phần theo mẫu và có tính thẩm mỹ để hoàn thành bài tập ở trang 18 (SGK). Có thể tham khảo phiếu sau:

PHIẾU THÔNG TIN

Vũ Ngọc Phan (2011), *Tục ngữ Ca dao Dân ca Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội

Biết: Lời nói đầu về giá trị của tục ngữ ca dao dân ca.

Hiểu: Có ích cho việc lí giải các trường hợp giao thoa về hình thức giữa tục ngữ và ca dao.

Dùng: Tục ngữ, ca dao và dân ca là ba thể loại khác nhau, mỗi thể loại có tính độc lập của nó, chúng có liên quan chặt chẽ với nhau, vì trong văn học dân gian, chúng đều là những thể loại vẫn về, dễ khoác với nhau, như chúng ta thấy trong ca dao có tục ngữ, trong dân ca có cả ca dao lẫn tục ngữ và có những câu nội dung là tục ngữ nhưng hình thức lại là ca dao. Sở dĩ có tình hình như vậy là do trong sáng tác, nhân dân – cũng như văn nghệ sĩ – vận dụng cả lí trí và tình cảm, vừa biểu lộ nội tâm vừa bày tỏ nhận định của mình về ngoại cảm. (tr.11)

– Thu thập thông tin qua phỏng vấn chuyên gia

Phương pháp này là cách thức nghiên cứu mang tính chuyên môn, có sự tương tác với đối tượng phỏng vấn khá cao. Để chuẩn bị phỏng vấn, GV nên hướng dẫn HS chuẩn bị trước những thông tin cần hỏi, cách thức đặt câu hỏi, cách thức ghi chép và cách diễn đạt lại thành văn bản in. Trong đó, thông tin khi ghi chép từ thực tế phỏng vấn nhất thiết phải được sắp xếp, biên tập lại.

c. Gợi ý trả lời câu hỏi đọc hiểu

Câu hỏi 1

– **Yêu cầu:** Đây là câu hỏi nhận biết, HS chỉ cần nhìn vào cấu trúc các câu hỏi của phóng viên (PV) để phân định các phần.

– **Cách thực hiện:**

+ Thực hiện cá nhân;

+ HS đọc lướt câu hỏi để xác định ý của mỗi phần;

+ **Căn cứ suy đoán:** Từ các câu hỏi của phóng viên và nội dung trả lời của Chu Xuân Diên. Trong đó chú ý các từ khoá trong các câu hỏi: “nhận xét”, “tranh cãi”, “đoạn kết truyện *Tấm Cám*” (câu hỏi 1); “theo PGS”, “có nên thay đổi hay không” (câu hỏi 2).

– **Đáp án tham khảo:** Căn cứ các câu hỏi của PV và phần trả lời, bài phỏng vấn có hai phần:

+ **Quan điểm của PGS. Chu Xuân Diên** về cuộc tranh luận quanh cái kết của truyện *Tấm Cám* trong SGK lớp 10.

+ Đề xuất của PGS. Chu Xuân Diên về cách xử lí các vấn đề dễ gây tranh luận kiểu như truyện *Tấm Cám*.

Câu hỏi 2

– *Yêu cầu*: HS xác định được các thông tin trong VB xung quanh sự kiện chính. Từ đó biết cách lưu ý lựa chọn thông tin khi đọc để giúp bản thân hiểu rõ nội dung hơn.

– *Cách thực hiện*:

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;

+ HS đọc kĩ câu hỏi để xác định yêu cầu, có thể gạch chân các từ quan trọng để lưu ý;

+ Căn cứ suy đoán: Chi tiết trong phần chữ in nghiêng giới thiệu ở đầu VB.

– *Đáp án tham khảo*: Tháng 11 – 2011, dư luận xôn xao về việc SGK Ngữ văn 10 đã thay đổi đoạn kết trong câu chuyện cổ tích quen thuộc *Tấm Cám*. Với nhiều ý kiến trái chiều xuất hiện trên báo chí, PV đã thực hiện hỏi ý kiến chuyên gia nhằm mục đích có cái nhìn rõ ràng, thấu đáo và mang tính khoa học hơn về vấn đề.

Câu hỏi 3

– *Yêu cầu*: Xác định vị thế chuyên gia ở người trả lời phỏng vấn.

– *Cách thực hiện*:

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;

+ HS đọc kĩ câu hỏi để xác định yêu cầu, có thể gạch chân các từ quan trọng để lưu ý;

+ Căn cứ suy đoán: Chi tiết trong phần chữ in nghiêng giới thiệu ở đầu VB.

– *Đáp án tham khảo*: Vì PGS. Chu Xuân Diên là người đã từng công tác và có vị trí ảnh hưởng trong lĩnh vực nghiên cứu (nguyên Trưởng bộ môn Văn hoá dân gian, Trường Đại học Khoa học Xã hội – Nhân văn). Đồng thời là người có chuyên môn cao (Phó Giáo sư) và có nhiều kinh nghiệm (nhiều năm nghiên cứu văn học dân gian), người có các yếu tố đủ vị thế chuyên gia để trả lời các vấn đề còn nhiều quan điểm.

Câu hỏi 4

– *Yêu cầu*: Nhận biết cách thức đặt một câu hỏi khi phỏng vấn chuyên gia, chú ý tính kết nối tương tác để có được nhiều thông tin nhất từ người trả lời.

– *Cách thực hiện*:

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;

+ HS đọc kĩ câu hỏi để xác định yêu cầu, có thể gạch chân các từ quan trọng để lưu ý;

+ Căn cứ suy đoán: Chi tiết các box gợi ý và nội dung trả lời của chuyên gia.

– *Đáp án tham khảo:*

+ Khi đặt một câu hỏi, người hỏi dùng các đại từ phù hợp để xưng hô (ông) nhằm tương tác và kết nối với người trả lời. Ngôn từ có chú ý tính lịch sự, đúng vị thế của người trả lời.

+ Việc bố trí câu hỏi được tính toán kỹ, nội dung vấn đề đang có mâu thuẫn được hỏi trước để chuyên gia lý giải nguyên nhân. Sau đó, đặt câu hỏi để tìm ra giải pháp cho việc ấy và những việc tương tự trong tương lai.

Hướng dẫn trả lời bài thực hành: (trang 20)

– *Yêu cầu:* HS biết được ý nghĩa các mục trong phiếu, biết cách chuẩn bị và ghi chép khi phỏng vấn chuyên gia.

– *Cách thực hiện:* Có thể chia HS thành hai nhóm cùng chọn một vấn đề cần phỏng vấn chuyên gia, chọn một chuyên gia, rồi tiến hành đặt một số câu hỏi và ghi ra phiếu để chuẩn bị. Sau đó các nhóm trình bày, so sánh kết quả, GV nhận xét, góp ý.

– *Sản phẩm:* Phiếu ghi chép có đủ các yếu tố nội dung, câu hỏi, câu trả lời. HS có thể sử dụng hình ảnh trong sách chuyên đề để in ra làm phiếu ghi chú hoặc thiết kế lại, miễn sao đáp ứng các phần theo mẫu và có tính thẩm mỹ.

PHIẾU HỎI CHUYÊN GIA

Chuyên gia:; nơi làm việc:

Mục đích:

Cách thức:; thời gian:; địa điểm:

Nội dung	Câu hỏi	Câu trả lời

– *Bảng ghi chép trải nghiệm thực tiễn*

Phương pháp này là một trong những cách thức tiếp cận thực tế đời sống hữu hiệu khi tìm hiểu vấn đề văn học dân gian trong đời sống. Phần trình bày trong sách chuyên đề đã giới thiệu cơ bản cách thức tiến hành và ví dụ minh họa. Trong đó, ví dụ có ghi chú các số để HS dễ theo dõi phần VB và phần kể của người cung cấp thông tin.

Hướng dẫn trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1

– *Yêu cầu:* HS nhận biết ý nghĩa và công dụng của bản ghi chép trải nghiệm.

– *Cách thực hiện:*

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;

+ HS đọc kĩ câu hỏi để xác định yêu cầu, có thể gạch chân các từ quan trọng để lưu ý;

+ Căn cứ suy đoán: Các yếu tố bối cảnh, các khung ghi chép lời kể có đánh số và các box ghi chép theo dõi cảm nhận.

– *Đáp án tham khảo:*

+ Bản ghi chép ghi lại loại nội dung truyện kể dân gian theo cách thức trải nghiệm thực tiễn. Bên cạnh nội dung kể còn có miêu tả hoàn cảnh xảy ra việc kể chuyện, thái độ của người nghe kể và suy nghĩ của người ghi chép.

+ Việc ghi chép ấy giúp cho việc nghiên cứu trở nên đa dạng, đúng với bản chất của văn học dân gian (tồn tại trong môi trường cụ thể, trực tiếp). Ghi lại cảm nhận tức thời của sự việc đang diễn ra giúp cho phần phân tích, lí giải của HS có chiều sâu và mang đậm cảm xúc thẩm mĩ.

Câu hỏi 2

– *Yêu cầu:* Hiểu ý nghĩa và chức năng của các cột, phần trong phiếu ghi chép trải nghiệm.

– *Cách thực hiện:*

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;

+ HS đọc kĩ câu hỏi để xác định yêu cầu, có thể gạch chân các từ quan trọng cần lưu ý;

+ Căn cứ suy đoán: Nội dung ghi trong các ô và các số mục đánh dấu các đoạn nội dung có liên quan nhau.

– *Đáp án tham khảo:*

+ *Cột Diễn biến của hoạt động kể – nghe kể:* ghi lại những hành động, cảm xúc, thái độ, lời nói trao đổi của người kể và người nghe kể. Những yếu tố này có sự tác động hoặc góp phần lí giải nội dung câu chuyện.

+ *Cột VB qua lời kể:* sản phẩm thể hiện nội dung của câu chuyện được kể. Đây là phần VB thường dùng để in và lưu trữ.

+ *Ô Theo dõi, cảm nhận:* ghi lại sự lí giải cá nhân người ghi chép về một chi tiết nào đó trong quá trình tương tác giữa người kể và người nghe. Ngoài ra, những cảm xúc, nhận định ngay lúc sự việc đang diễn ra cũng là những điều được ghi nhận giúp cho quá trình lí giải sau này sâu sắc hơn.

Câu hỏi 3

– *Yêu cầu:* Hiểu sự khác nhau giữa cách ghi chép trải nghiệm và cách thể hiện trên VB in theo kiểu lưu trữ thông thường.

– *Cách thực hiện:*

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;

+ HS đọc kĩ câu hỏi để xác định yêu cầu, có thể gạch chân các từ quan trọng cần lưu ý;

+ Căn cứ suy đoán: Yêu cầu so sánh đã gợi ý về sự khác nhau, các khung, ô tạo nên sự khác biệt so với VB in thông thường. Từ trước đến nay, chưa có kiểu VB in theo hình thức kẻ khung nên không thể in để phục vụ cho việc đọc thưởng thức.

– *Đáp án tham khảo:*

+ Câu a) Thông tin được ghi chép khác với truyện kể in thông thường ở chỗ: ngoài VB còn có thêm các yếu tố cấu trúc lời nói, hoạt động giao tiếp, tâm lí, cảm xúc người kể và người nghe cùng với cảm nhận của người ghi chép. Những yếu tố này làm cho bản ghi chép có vẻ “ruộm rã” hơn nhưng chứa nhiều thông tin hơn.

+ Câu b) bản ghi chép này không thể mang đi in để đọc giả thưởng thức. Vì nó chỉ phục vụ tốt nhất cho hoạt động nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. Nếu muốn in, cần được biên tập theo một hình thức thích hợp.

Câu hỏi 4

– *Yêu cầu:* HS rút ra yêu cầu và cách ghi chép tư liệu khi trải nghiệm thực tế nghiên cứu văn học dân gian.

– *Cách thực hiện:*

+ Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;

+ HS đọc kĩ câu hỏi để xác định yêu cầu, có thể gạch chân các từ quan trọng cần lưu ý;

+ Căn cứ suy đoán: Dựa vào ý các câu hỏi từ 1 – 3 và các thao tác thực hiện trong VB đọc hiểu.

– *Đáp án tham khảo:*

+ Chuẩn bị bản ghi chép ghi lại loại nội dung truyện kể dân gian qua cách thức trải nghiệm thực tiễn theo mẫu gồm các yếu tố: *Diễn biến hoạt động kể - nghe kể; VB qua lời kể; Theo dõi cảm nhận.*

+ Khi tham gia trải nghiệm cần lưu ý để ghi chép cả ba yếu tố. Nếu thấy khó khăn, có thể sử dụng thiết bị để hỗ trợ ghi âm, ghi hình,... Sau đó sẽ chép lại phần VB; còn phần diễn biến và cảm nhận thì phải ghi ngay tại hiện trường.

+ Cần chú ý VB phải trung thực với lời kể, cảm nhận phải trung thực với bản thân mình. Nếu làm việc nhóm, có thể phân công nhau mỗi người một nhiệm vụ: người ghi nhận VB, người miêu tả hoạt động và cảm nhận,... Sau đó sẽ đối chiếu, so sánh khi tiến hành các bước nghiên cứu, lập hồ sơ.

Hướng dẫn thực hành: (trang 25)

– *Yêu cầu:* HS biết được ý nghĩa các mục trong phiếu và biết cách chuẩn bị, ghi chép khi tham gia trải nghiệm thực tiễn.

– *Cách thực hiện:*

+ HS chọn lễ hội, sự kiện văn hoá có liên quan đến vấn đề nghiên cứu;

+ Liên hệ với người tổ chức để tham dự nghiên cứu (có thể nhờ GV hoặc trường giới thiệu). Việc này cần phải làm trước khi sự kiện diễn ra;

+ Chuẩn bị, dự đoán trước những tình huống có thể xảy ra, những mốc thời gian và những sự kiện cần theo dõi để tránh lỡ cơ hội (ghi vào phiếu bằng bút chì);

+ Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm.

– *Sản phẩm:* Phiếu ghi chép phần chuẩn bị trải nghiệm có phác hoạ các ý suy đoán. Nếu đã thực sự trải nghiệm thì sản phẩm nộp là phiếu đã ghi chép chuyển trải nghiệm. HS có thể dựa vào mẫu trong sách chuyên đề để thiết kế lại trên giấy A4 sao cho tiện lợi khi ghi chép.

PHIẾU GHI CHÉP TRẢI NGHIỆM THỰC TIỄN

Miêu tả bối cảnh:

- Thời gian, địa điểm:
- Mục đích trải nghiệm:
- Thành phần tham gia:; thông tin.....
- Tình huống tạo nên câu chuyện/ sự việc:

Kết cấu sự việc <i>Cảm nhận</i>	Văn bản
.....	
.....	

XỬ LÝ, TỔNG HỢP THÔNG TIN

a. Xử lý thông tin

– *Yêu cầu:* HS hiểu được xử lý thông tin là các kĩ thuật phân loại, sắp xếp thông tin trong quá trình tổng hợp tài liệu thu được sau khi thực hiện các bước trên. Bước này giúp cho dữ liệu có được tính hệ thống, sẵn sàng để cho bước viết báo cáo.

– *Cách thực hiện:*

+ Yêu cầu HS đọc tri thức và hướng dẫn thực hiện việc ghi chú đối với VB *Về đặc điểm của tục ngữ Việt Nam* trong sách chuyên đề theo ba cách: Ghi chú bên lề, sơ đồ tư duy và phương pháp Cornell.

+ GV cần lưu ý mỗi phương pháp có ưu điểm và cách vận dụng khác nhau. Ghi chú bên lề thích hợp với những ý tưởng, suy nghĩ chợt nảy sinh; sơ đồ tư duy phù hợp với việc nắm bắt dàn ý của bài; phương pháp Cornell có chú ý đến những chi tiết hay, cùng với tóm lược ý và cả những suy nghĩ của người đọc.

+ Có thể chia nhóm để thực hiện, hai nhóm thực hiện chung một nhiệm vụ (một kiểu ghi chép), sau đó có sự so sánh nhận xét.

– *Sản phẩm:* Bản ghi chú bên lề, sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung chính và phiếu ghi chép theo phương pháp Cornell VB *Về đặc điểm của tục ngữ Việt Nam*. HS có thể sử dụng hình ảnh trong sách chuyên đề để in ra làm phiếu ghi chú hoặc thiết kế lại, miễn sao đáp ứng các phần theo mẫu và có tính thẩm mỹ.

+ Với yêu cầu về sơ đồ tư duy (trang 25, SGK), GV có thể tham khảo sơ đồ tư duy trong tài liệu này ở mục đọc hiểu VB *Về đặc điểm của tục ngữ Việt Nam*, phần trả lời cho câu hỏi 2.

+ Với yêu cầu bản ghi chú Cornell (trang 26, SGK), có thể tham khảo bản ghi chú sau:

Ghi chú Cornell	
Đề tài: Đặc điểm tục ngữ Việt Nam	Tên: Nhóm/ lớp: Ngày:
Câu hỏi nghiên cứu: <i>Tục ngữ Việt Nam có đặc điểm gì nổi bật?</i>	

Câu hỏi	Ghi chú
1. Về nội dung, có bao nhiêu vấn đề được bàn đến?	Gốc của tục ngữ là lao động và quan hệ xã hội – Tục ngữ về thời tiết, cày cấy, trồng trọt, chăn nuôi. Ví dụ: <i>Quá mùa ra mưa</i> – Về sinh hoạt, nhận xét, khuyên răn. Ví dụ: <i>Vỏ quýt dày có móng tay nhọn</i>
2. Về hình thức, VB bàn đến những nội dung gì?	– Các loại vần: + Vần sát nhau + Cách một chữ + Cách hai, cách ba, cách bốn chữ + Cách năm chữ, lục bát – Tục ngữ có trước ca dao. – Lối gieo vần của tục ngữ là khuôn mẫu của nhiều thể thơ.
Tóm lược: – Tục ngữ có trước ca dao; vần của tục ngữ là khuôn mẫu của ca dao và các loại thơ. – Nội dung tục ngữ có hai loại: thiên nhiên và xã hội.	

b. Lập hồ sơ tài liệu

– *Yêu cầu:* HS hiểu được sự cần thiết của việc lập hồ sơ tài liệu. Hồ sơ chính là những định hướng để việc nghiên cứu diễn ra thuận lợi và ít tốn công sức, đảm bảo tính khoa học.

– *Cách thực hiện:*

+ Yêu cầu HS phát huy tính sáng tạo trong việc tạo ra hình thức của hồ sơ nghiên cứu miễn sao đáp ứng các tiêu chí đã nêu trong sách chuyên đề;

+ Trong hồ sơ việc sắp xếp theo trật tự, khoa học là điều kiện cần thiết, giúp cho việc viết báo cáo thuận lợi và đầy đủ. Nếu hồ sơ nghiên cứu sơ sài thì khi bắt tay vào viết, HS sẽ gặp khó khăn.

– *Sản phẩm:* Tập hồ sơ có các loại tài liệu như đã hướng dẫn trong sách chuyên đề. HS có thể sử dụng hình ảnh trong sách chuyên đề để in ra làm phiếu ghi chú hoặc thiết kế lại, miễn sao đáp ứng các phần theo mẫu và có tính thẩm mỹ. Phần đầu của tập hồ sơ, nên sử dụng bảng kiểm sau đây để kiểm tra các thành phần và đặc điểm xem có đủ hay chưa.

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
1. Xác định đề tài, vấn đề, mục đích và lập kế hoạch nghiên cứu			
Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu	Đề tài có tính vấn đề		
Xác định mục đích, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết	Mục đích rõ, câu hỏi nêu bật trọng tâm		
Lập kế hoạch nghiên cứu	Kế hoạch đủ các thành phần		
2. Thu thập thông tin về đề tài, vấn đề nghiên cứu			
Sưu tầm tài liệu	Thực hiện tốt các kĩ thuật sưu tầm		
Tìm hiểu, phỏng vấn chuyên gia	Chọn đúng chuyên gia, đặt câu hỏi hợp lí		
Ghi chép trải nghiệm thực tiễn	Chép đúng các sự kiện kể và câu chuyện, nhất là cảm xúc của cá nhân		
3. Xử lí, tổng hợp thông tin			
Xử lí thông tin	Thực hiện tốt các kĩ thuật sưu tầm		
Lập hồ sơ tài liệu	Có đủ các loại hồ sơ		

c. Hướng dẫn bài tập thực hành

– Thời lượng: 1 tiết ở nhà

– Yêu cầu: HS vận dụng lí thuyết đã học để tập thực hành các bước nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. GV nên lưu ý: việc hướng dẫn thực hành rất quan trọng, không chỉ tập trung ở mục *Bài tập thực hành* mà chuyên đề đã đan cài vào nhiều phần mục khác nhau, cần được hướng dẫn, GV khai thác đầu tư thêm qua SGK. Trong phần thực hành này, các bài tập mà sách chuyên đề đặt ra cũng có liên quan đến các phần thực hành tiếp nối đã đặt ra trong quá trình giới thiệu phương pháp. Cần có hướng dẫn hoạt động thực hành nêu ở các trang thuộc các phần mục trước như:

– Cách thực hiện:

- + Thực hiện cá nhân hoặc nhóm;
- + HS đọc kĩ câu hỏi để xác định yêu cầu, có thể gạch chân các từ quan trọng cần lưu ý;
- + Có thể tham khảo các mẫu phiếu, sơ đồ trong quá trình thực hiện các bài thực hành.

– *Đáp án tham khảo:*

Câu hỏi 1

Đề tài/ phạm vi nghiên cứu	Vấn đề nghiên cứu
Truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy	Lịch sử và hư cấu trong truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy
Phép màu trong truyện cổ tích thần kì	Phép màu và khát vọng của người cùng khổ trong truyện cổ tích thần kì
Hình tượng người phụ nữ	Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ và Trung Bộ
Công thức “chiều chiều” trong ca dao	Sự biến đổi của công thức “chiều chiều” trong ca dao Bắc Bộ và ca dao Nam Bộ
Sức sống của dân tộc	Sức sống của dân tộc trong nhóm giai thoại về Nguyễn Đình Chiểu

Câu hỏi 2

Ví dụ: đề tài *Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ và Trung Bộ*.

Đề tài nghiên cứu	Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ và Trung Bộ.
Mục đích nghiên cứu	Tìm hiểu đặc điểm của hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ trong sự so sánh với ca dao Trung Bộ.
Câu hỏi nghiên cứu	Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ có đặc điểm khác với hình tượng đó trong ca dao Trung Bộ hay không?
Giả thuyết nghiên cứu	Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ có đặc điểm khác với ca dao Trung Bộ.

Câu hỏi 3

Kế hoạch nghiên cứu:

– *Đề tài nghiên cứu:* Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ và ca dao Trung Bộ.

– *Mục đích nghiên cứu:* Tìm hiểu đặc điểm của hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ trong sự đối sánh với ca dao Trung Bộ.

– *Câu hỏi nghiên cứu:* Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ có đặc điểm khác với hình tượng trong ca dao Trung Bộ hay không?

– *Giả thuyết nghiên cứu:* Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ có đặc điểm khác với ca dao Trung Bộ.

Thời gian	Công việc	Địa điểm	Phụ trách	Sản phẩm
3 ngày	Lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ	Lớp học	Trưởng nhóm	Bản kế hoạch
2 tuần	Đọc tài liệu	Thư viện, internet	Nhóm 1	Các phiếu đọc sách, ghi chép, các sơ đồ tư duy, ghi chép Cornell
	Phỏng vấn chuyên gia	Đặt hẹn	Nhóm 2	Phiếu hỏi chuyên gia
	Trải nghiệm diễn xướng ca dao vùng biển miền Trung và Nam Bộ	Nơi diễn ra sự kiện	Nhóm 3	Phiếu ghi chép trải nghiệm
1 tuần	Lập hồ sơ	Lớp học	Thư kí	Tập hồ sơ
2 tuần	Viết báo cáo	Tự chọn	Các nhóm và Nhóm thư kí	Báo cáo
1 tuần	Trình bày kết quả	Lớp học	Đại diện nhóm	Buổi thuyết trình

Đề cương

1. Ca dao là tiếng hát trữ tình, phản ánh đời sống của nhân dân lao động

- Bộc lộ tâm tình người dân lao động, nhất là nông dân
- Thể hiện sự phản kháng của tầng lớp dưới trong xã hội
- Miêu tả thân phận con người, nhất là người phụ nữ

2. Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Nam Bộ

- Trong đời sống hôn nhân
- Trong đời sống gia đình
- Vị thế ngoài xã hội

3. Hình tượng người phụ nữ trong ca dao Trung Bộ

- Trong đời sống hôn nhân
- Trong đời sống gia đình
- Vị thế ngoài xã hội

Câu hỏi 4: HS tự thực hiện.

2.3. Dạy học phần thứ hai:

VIẾT BÁO CÁO VÀ THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

2.3.1. Dạy học phần Viết báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian

a. Khởi động

Để kích hoạt kiến thức nền, giúp HS tiếp thu tốt bài học và chuẩn bị tâm thế học tập tích cực, chủ động, GV tổ chức hoạt động khởi động với nhiều hình thức như: trắc nghiệm nhanh; trò chơi đố vui, trò chơi ô chữ; đoán ý đồng đội,... xoay quanh các nội dung sau:

(1) Quy trình và thao tác thực hiện nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian: những lưu ý quan trọng, những thao tác cơ bản,...

(2) Tri thức về bài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học đã được học trong chủ điểm *Những di sản văn hoá* (Bài 4, *Ngữ văn 10*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*): đặc điểm kiểu bài; quy trình thực hiện.

b. Dạy phần Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Mục đích của phần hướng dẫn phân tích kiểu VB đó là thông qua việc đọc, phân tích một bài báo cáo kết quả nghiên cứu văn học dân gian, học sinh sẽ nắm được các mô hình kĩ thuật viết để từ đó tạo lập VB tốt hơn. GV cho cá nhân HS đọc thầm VB *Tìm hiểu phương thức biểu đạt trong câu đố và hát đố dân gian về tự nhiên của các dân tộc miền núi phía Bắc*, chú ý đến những phần đánh số và các box hướng dẫn ở bên lề phải; ghi nhận những điều cần lưu ý về đặc điểm kiểu bài.

Sau đó, GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi (think – pair – share) để trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB. Sau đây là một số gợi ý trả lời:

Câu hỏi 1

Bài báo cáo nghiên cứu về các phương thức biểu đạt trong câu đố và hát đố dân gian về tự nhiên của các dân tộc miền núi phía Bắc.

Câu hỏi nghiên cứu: *Câu đố, hát đố dân gian về tự nhiên của các dân tộc miền núi phía Bắc có đặc điểm gì về phương thức biểu đạt?* GV lưu ý: ở câu hỏi này, GV cần hướng dẫn HS đọc phần *Tóm tắt* để nhận ra câu hỏi nghiên cứu.

Câu hỏi 2

Có thể tóm tắt ý chính của bài báo cáo thông qua sơ đồ như sau:

I. CƠ SỞ LÍ LUẬN

Nội dung chính: Khái niệm câu đố dân gian, hát đố dân gian, phương thức biểu đạt; ý nghĩa của việc tìm hiểu phương thức biểu đạt của câu đố, hát đố dân gian về tự nhiên của một số dân tộc miền núi phía Bắc.

II. CÂU ĐỐ KHÁM PHÁ HIỆN THỰC BẰNG TRỰC GIÁC VÀ LIÊN TƯỢNG

Nội dung chính: Nhờ cách chuyển nghĩa độc đáo, có cơ sở trực giác và liên tưởng, những câu đố dân gian của một số dân tộc miền núi phía Bắc đã giúp người đọc khám phá được đặc điểm của tự nhiên (qua cách nhìn, cách cảm của tác giả dân gian).

III. HÁT ĐỐ – LỐI BIỂU ĐẠT ĐỒNG HÀNH LÍ TRÍ VÀ CẢM XÚC

Nội dung chính: Hát đố có phương thức biểu đạt gắn liền với các hình thức đối đáp giao duyên, thử tài của nhân dân, do vậy thường chọn những lối biểu đạt giàu tính lí trí, logic, sáng tạo bất ngờ; qua đó, tạo bầu không khí hoà hợp, nghĩa tình.

IV. KẾT LUẬN

Nội dung chính: Khẳng định sự độc đáo, thú vị trong phương thức biểu đạt của câu đố, hát đố về tự nhiên của một số dân tộc miền núi phía Bắc; giá trị thẩm mĩ của các hình thức diễn xướng dân gian này.

Trên cơ sở tóm tắt nội dung bài báo cáo; HS khái quát bố cục một bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian, thường bao gồm: nhan đề, tóm tắt, cơ sở lí luận, nội dung kết quả nghiên cứu, kết luận.

Câu hỏi 3

– Nội dung chính của phần *Tóm tắt*: nêu bối cảnh, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu.

– Nội dung chính của phần *Kết luận*: khái quát lại kết quả nghiên cứu; trả lời cho câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra ở đầu bài.

Câu hỏi 4

Hai phương pháp nghiên cứu trong bài báo cáo được thể hiện như sau:

– Phương pháp tổng hợp lí thuyết: đọc các tài liệu nghiên cứu để tổng hợp, khái quát khái niệm *câu đố dân gian, hát đố dân gian, phương thức biểu đạt*, thể hiện trong mục 1 của bài báo cáo.

– Phương pháp phân tích và tổng hợp: phân tích những câu đố dân gian, câu hát đố dân gian cụ thể của một số dân tộc miền núi phía Bắc, từ đó khái quát, tổng hợp những phương thức biểu đạt đặc trưng của các hình thức diễn xướng dân gian này; nhận xét, đánh giá về giá trị biểu đạt và thẩm mỹ của chúng. Phương pháp này thể hiện chủ yếu ở mục 2 và mục 3 của bài báo cáo.

Câu hỏi 5

Các cước chú, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp, liên kết với nội dung của bài báo cáo; góp phần bổ sung thông tin để làm rõ nội dung kết quả nghiên cứu.

Câu hỏi 6

Các tài liệu tham khảo trong bài báo cáo là dạng tài liệu sách giấy đã được xuất bản, được sắp xếp theo tên tác giả (trình tự an-pha-bê). Cú pháp trình bày các mục tài liệu tham khảo: Tên tác giả (năm xuất bản), Tên sách, NXB, Nơi xuất bản.

c. Dạy phần Hướng dẫn quy trình viết

Mục đích của phần này chính là để HS nắm được lí thuyết về quy trình viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian, từ đó chuẩn bị tốt nhất cho việc thực hành tạo lập VB. GV có thể cho HS đọc phần hướng dẫn trong sách *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* tr.35 đến tr.39 (theo hình thức nhóm nhỏ hoặc nhóm đôi) để trả lời các câu hỏi sau:

(1) Hãy vẽ sơ đồ tóm tắt quy trình viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.

(2) Khi lập danh mục tài liệu tham khảo, ta cần lưu ý gì với các loại tài liệu khác nhau như: sách, bài báo, trang web,...?

(3) Khi viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian, ta cần lưu ý điều gì để thể hiện sự tôn trọng bản quyền và chống đạo văn?

(4) Dàn ý một bài báo cáo kết quả nghiên cứu văn học dân gian gồm những phần nào? Cần lưu ý gì khi xây dựng luận điểm/ đề mục trình bày kết quả nghiên cứu?

(5) Khi viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian, cần lưu ý điều gì về ngôn ngữ?

(6) Viết phần *Tóm tắt* như thế nào cho hiệu quả?

(7) Sau khi viết bài báo cáo, ta thực hiện đọc lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm như thế nào?

d. Dạy phần Bài tập thực hành

Mục đích của các bài tập thực hành là giúp HS khắc sâu kiến thức về lí thuyết thực hiện kiểu bài, luyện tập một số thao tác khó trong quy trình viết để tạo lập VB tốt hơn. GV có thể thực hiện như sau:

Bài tập 1

Giúp HS đọc kĩ phần hướng dẫn trong SGK, lập một bảng tóm tắt có tính chất định hướng quy trình viết. Bảng tóm tắt này sẽ hỗ trợ HS thực hành viết bài báo cáo tại nhà. GV có thể cho HS chuẩn bị trước nội dung bảng tóm tắt ở nhà, sau đó lên lớp trình bày, chia sẻ với các bạn theo hình thức nhóm đôi (think – pair – share). Gợi ý nội dung bảng tóm tắt quy trình viết như sau:

Bảng tóm tắt quy trình viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu văn học dân gian

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Điều cần lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị	– Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc. – Lập danh mục tài liệu tham khảo.	– Chú ý đến cách công bố, đối tượng người đọc để chọn cách viết phù hợp. – Cần đảm bảo trình bày tài liệu tham khảo đúng quy cách (xem SGK tr.35 – tr.36)
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	– Tìm ý dựa vào kết quả nghiên cứu đã thu nhận. – Sắp xếp các ý tìm được theo trình tự hợp lí, lập dàn ý cho bài báo cáo.	– Có thể tìm ý dựa vào mẫu hướng dẫn trong SGK tr.36. – Dàn ý một bài báo cáo kết quả nghiên cứu gồm: nhan đề, tóm tắt, cơ sở lí thuyết, nội dung kết quả nghiên cứu, kết luận, tài liệu tham khảo. – Cần lập luận điểm/ đề mục khi trình bày nội dung kết quả nghiên cứu, đảm bảo tính logic, liên kết của các luận điểm/ đề mục.
Bước 3: Viết bài	Từ dàn ý đã lập, viết bài báo cáo hoàn chỉnh.	– Ngôn ngữ bài báo cáo cần khách quan, phù hợp với bài báo cáo khoa học. – Nhan đề ngắn gọn, súc tích, nêu được vấn đề chung của bài báo cáo, có từ khoá của đề tài. – Phần Tóm tắt cần nêu được một số nội dung: bối cảnh nghiên cứu, mục đích, cách tiếp cận, kết quả nghiên cứu. – Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp để hỗ trợ cho bài báo cáo.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	– Sau khi viết xong, đọc lại bài báo cáo của mình và chỉnh sửa. – Ghi lại những kinh nghiệm rút ra sau khi viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. – Sau khi chỉnh sửa, công bố bài báo cáo, nhận phản hồi và tiếp tục chỉnh sửa cho bài viết thêm hoàn thiện.	Thực hiện dựa vào <i>Bảng kiểm bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian</i> trong SGK.
--	---	---

Bài tập 2

Tập trung luyện tập kĩ năng lập dàn ý, xác định hệ thống luận điểm, đề mục cho bài báo cáo.

Bài tập 3

Tập trung vào luyện tập kĩ năng viết phần *Tóm tắt*. GV cho HS thực hiện các bài tập này tại lớp theo hình thức cá nhân, sau đó chia sẻ sản phẩm để cả lớp góp ý, rút kinh nghiệm. GV có thể sử dụng phương pháp làm mẫu và phương pháp nói to suy nghĩ (think – aloud) để trực quan hoá các kĩ năng này, giúp HS dễ hình dung và làm theo.

đ. Hướng dẫn viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu

GV giao nhiệm vụ cho HS viết (ở nhà) bài báo cáo kết quả nghiên cứu mà mình đã thu nhận được. GV lưu ý học sinh:

- Trước khi viết, đọc lại SGK và các sản phẩm thực hiện tại lớp ở phần *Hướng dẫn phân tích kiểu VB; Hướng dẫn quy trình viết* để nắm các đặc điểm kiểu bài và các bước trong quy trình viết.

- Sử dụng bảng tóm tắt quy trình viết đã thực hiện ở phần bài tập 1 để định hướng và kiểm soát quá trình tạo lập VB.

e. Tổ chức trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm về bài viết

GV tổ chức cho HS trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm về bài viết dưới hình thức thảo luận nhóm đôi (think – pair – share), cụ thể:

- Cho cặp đôi HS trao đổi bài viết với nhau, đọc và nhận xét, rút kinh nghiệm. Sau đó, mời một vài HS đọc bài viết của mình trước lớp để tiếp tục nhận xét, rút kinh nghiệm. Quá trình nhận xét, rút kinh nghiệm sẽ căn cứ vào bảng kiểm trong SGK, và nhận xét trên hai phương diện: (1) Nội dung và hình thức của bài báo cáo; (2) Cách thức thực hiện quy trình viết bài báo cáo.

– GV có thể tổ chức hình thức nhập vai để buổi học thêm sinh động, chẳng hạn: đóng vai trong một buổi toạ đàm về văn học dân gian, buổi giao lưu văn hoá dân gian, phòng triển lãm nghiên cứu văn học dân gian (kĩ thuật phòng tranh),...

2.3.2. *Dạy học phần Thuyết trình kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian*

Phần thuyết trình này tích hợp với phần viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian mà HS đã học trước đó, cụ thể: HS sẽ chuyển hoá nội dung bài viết thành nội dung bài thuyết trình. Do vậy, GV cần dạy phần này trên tinh thần tích hợp hoạt động viết với hoạt động nói và nghe, chú ý đến sự liên kết giữa các đơn vị kiến thức này.

a. Khởi động

Để HS chủ động và tích cực trong việc học phần này, GV cần tổ chức hoạt động khởi động để kích hoạt kiến thức nền của HS về:

- Đặc điểm kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian; những nội dung chính trong bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.
- Quy trình thực hiện một bài thuyết trình.

b. Dạy học quy trình thực hiện bài thuyết trình

GV cho HS đọc phần hướng dẫn quy trình thực hiện bài thuyết trình trong SGK theo hình thức cá nhân, sau đó cho HS thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) để trả lời hai câu hỏi:

- (1) Tóm tắt các bước thực hiện bài thuyết trình kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.
- (2) Khi chuyển nội dung bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian sang bài thuyết trình, cần chú ý điều gì?
- (3) Khi thực hiện bài thuyết trình kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian, cần chú ý đến những tiêu chí nào?

c. Tổ chức thực hiện bài thuyết trình và trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

Để buổi thuyết trình sinh động và hiệu quả, GV có thể sử dụng phương pháp đóng vai, tạo ra những tình huống giả định: một buổi toạ đàm về văn học dân gian; hoạt động giao lưu văn hoá dân gian;... GV cũng có thể yêu cầu HS thực hiện những sản phẩm sáng tạo để hỗ trợ bài thuyết trình như video clip, infographic, diễn xướng dân gian,... như một cách lấy điểm khuyến khích. Với mỗi sản phẩm sáng tạo, GV cần thống nhất tiêu chí đánh giá và công bố với HS, có thể sử dụng bảng kiểm các tiêu chí, rubric để đánh giá sản phẩm.

GV cũng có thể thiết kế một số mẫu phiếu học tập để hỗ trợ HS thực hiện bài thuyết trình cũng như lắng nghe, phản hồi nội dung thuyết trình của bạn khác. Sau đây là một số ví dụ:

PHIẾU CHUẨN BỊ THUYẾT TRÌNH
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Tên đề tài:

Người thực hiện:

1. Mục đích thuyết trình:

2. Không gian và thời gian nói:

3. Đối tượng người nghe:

4. Tôi sẽ chọn cách thuyết trình:

CÁC Ý CHÍNH TRONG BÀI THUYẾT TRÌNH CỦA TÔI

(Trình bày dưới dạng đề mục hoặc sơ đồ)

.....
.....

CÁC PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ HỖ TRỢ

Phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ	Cách tôi sử dụng trong bài thuyết trình
.....	
.....	

DỰ KIẾN PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI NGHE

Câu hỏi/ ý kiến phản biện của người nghe	Câu trả lời của tôi
.....	
.....	

PHIẾU GHI CHÉP
BUỔI THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Tên đề tài:

Người thuyết trình:

Người ghi chép:

CHUẨN BỊ Ở NHÀ

(Ghi lại những thông tin tôi tìm hiểu được về đề tài thuyết trình)

.....
.....

PHẦN GHI CHÉP TRONG BUỔI THUYẾT TRÌNH

Nội dung chính của bài thuyết trình	Ý kiến trao đổi của tôi
.....	
.....	

1. Điều tôi ấn tượng:

2. Những kinh nghiệm tôi rút ra được về việc thực hiện nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian:

.....

3. Những kinh nghiệm tôi rút ra được về cách thức thuyết trình hiệu quả:

.....

4. Những ý tưởng mà tôi nghĩ rằng sẽ trở thành đề tài nghiên cứu thú vị:

.....

TỔNG KẾT CHUYÊN ĐỀ

1. GV tổng kết một số nội dung kiến thức và kĩ năng đã học trong chuyên đề

– Về cách nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian: lưu ý quy trình với các thao tác làm việc khi thực hiện nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.

– Về cách viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu văn học dân gian: lưu ý các bước trong quy trình viết và thuyết trình báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.

2. GV lưu ý HS về ích dụng thiết thực của chuyên đề và yêu cầu thực hành vận dụng thường xuyên trong học tập môn Ngữ văn.

SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC (15 TIẾT)

1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1 Yêu cầu cần đạt

Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Biết yêu quý cái đẹp trong nghệ thuật, trân trọng những sáng tạo của bản thân và của người khác.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc trải nghiệm vở diễn, thực hành các khâu thuộc hoạt động sân khấu hoá,...* trong quá trình học tập chuyên đề, nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt (YCCĐ) như sau:

- Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.
- Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.
- Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.
- Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong VB văn học và ngôn ngữ trong VB sân khấu.

Lưu ý: Mức độ thành công hay chất lượng của bài học, về cơ bản, phụ thuộc vào chất lượng thực hiện các YCCĐ nêu trên.

1.2. Đặc điểm bài học và phân bố số tiết

1.2.1. Đặc điểm bài học

a. Về nhiệm vụ của chuyên đề:

– Chuyên đề *Sân khấu hoá tác phẩm văn học* được thiết kế theo nguyên tắc phát huy tính chủ động và năng lực sáng tạo của HS trong quá trình chiếm lĩnh tri thức; bám sát vào các YCCĐ về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù mà CT GDPT tổng thể nói chung và CT GDPT môn Ngữ văn đã đề ra.

– Bên cạnh nhiệm vụ học tập chung, mỗi phần trong chuyên đề đảm nhận các nhiệm vụ học tập riêng. Cụ thể:

+ Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập ở phần thứ nhất: được xây dựng qua hai giai đoạn: *đọc so sánh VB văn học và kịch bản sân khấu hoá; trải nghiệm vở diễn*. Thông qua hoạt động *Trả lời câu hỏi* sau khi đọc và trải nghiệm, HS từng bước kiến tạo tri thức về đặc trưng của hoạt động sân khấu hoá, điểm khác biệt giữa ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ trong VB sân khấu.

+ Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập ở phần thứ hai: hướng dẫn học sinh phân tích kịch bản mẫu để học cách xây dựng kịch bản sân khấu hoá; thiết kế hệ thống bài tập để HS thực hành viết kịch bản, tập diễn xuất theo từng mức độ từ thấp đến cao; hướng dẫn HS tự đánh giá, điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm.

+ Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập ở phần thứ ba: thiết kế hướng dẫn HS tiến hành thực hiện các khâu tổ chức hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường; hướng dẫn HS tự kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ qua bảng đánh giá.

b. Về cấu trúc bài học:

Phần thứ nhất: Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học

- a. Từ tác phẩm văn học đến kịch bản sân khấu
- b. Trải nghiệm vở diễn
- c. Sự chuyển đổi từ VB văn học sang kịch bản sân khấu hoá
- d. Yêu cầu của việc sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường

Phần thứ hai: Tổ chức xây dựng kịch bản và tập diễn xuất

- a. So sánh VB truyện *Chuyện người con gái Nam Xương* và kịch bản chuyển thể
- b. Quy trình xây dựng kịch bản sân khấu hoá và tập diễn xuất
- c. Thực hành xây dựng kịch bản và tập diễn xuất

Phần thứ ba: Quy trình tổ chức hoạt động sân khấu hoá

- a. Xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ
- b. Triển khai thực hiện
- c. Đánh giá, rút kinh nghiệm

Ma trận yêu cầu cần đạt – nội dung dạy học chuyên đề 2

Nội dung dạy – học	Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)
Phần thứ nhất: Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học a. Từ tác phẩm văn học đến kịch bản sân khấu b. Trải nghiệm vở diễn c. Sự chuyển đổi từ VB văn học sang kịch bản sân khấu d. Yêu cầu của việc sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường	– Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học. – Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong VB văn học và ngôn ngữ trong VB sân khấu.

Phần thứ hai: Tổ chức xây dựng kịch bản và tập diễn xuất a. So sánh VB truyện <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> và kịch bản chuyển thể b. Quy trình xây dựng kịch bản sân khấu hoá và tập diễn xuất c. Thực hành xây dựng kịch bản và tập diễn xuất	– Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học. – Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.
Phần thứ ba: Quy trình tổ chức hoạt động sân khấu hoá a. Xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ b. Triển khai thực hiện c. Đánh giá, rút kinh nghiệm	– Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.

1.2.2. Phân bố số tiết

- Phần thứ nhất: Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học (6 tiết).
- Phần thứ hai: Tổ chức xây dựng kịch bản và tập diễn xuất (7 tiết).
- Phần thứ ba: Quy trình tổ chức hoạt động sân khấu hoá (2 tiết).

Việc phân bổ thời gian cho hoạt động rèn luyện từng kĩ năng được xác định ở mục theo tiêu chuẩn chung với số lượng tiết học nêu trên. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng sư phạm.

1.3. Phương pháp và phương tiện dạy học

1.3.1. Phương pháp dạy học

Đối với dạy học phát triển năng lực nói chung và dạy học SGK mới theo CT GDPT năm 2018 nói riêng, GV đều sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, hướng đến phát triển các phẩm chất, năng lực người học. Chuyên đề *Sân khấu hoá tác phẩm văn học* không nằm ngoài xu hướng đó, song vẫn có những nét riêng. GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học sau:

- Dạy học hợp tác, thuyết trình kết hợp với đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến ở các hoạt động đọc VB, trả lời câu hỏi sau khi đọc và sau khi trải nghiệm.
- Hướng dẫn HS kết hợp viết trong quá trình đọc: điền vào các phiếu học tập, viết sơ đồ so sánh VB văn học và kịch bản sân khấu,...
- Hướng dẫn HS phân tích mẫu để nắm được quy trình xây dựng kịch bản sân khấu hoá.
- Phương pháp đóng vai: tổ chức cho HS thực hành các bài tập diễn xuất và tổ chức sân khấu hoá các tác phẩm văn học.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng kết hợp một số kĩ thuật dạy học như trực quan, trò chơi, kĩ thuật KWL, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ,... trong quá trình tổ chức dạy học.

1.3.2. Phương tiện dạy học

Tuỳ điều kiện thực tế, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Màn hình lớn (hoặc máy chiếu) để cho HS trải nghiệm trích đoạn vở diễn.
- Một số tranh ảnh có trong sách HS được phóng to.
- Ảnh chân dung tác giả; máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, tư liệu liên quan.
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu Chuẩn bị đọc, Suy ngẫm và phản hồi) trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết kịch bản sân khấu hoá tác phẩm văn học của HS.
- ...

2. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ

2.1. Giới thiệu bài học

Trong SGK đã có phần giới thiệu chuyên đề, GV có thể sử dụng phần này và kết hợp dẫn dắt vào bài học bằng cách giới thiệu một vài hình ảnh hoặc trình chiếu một vài trích đoạn sân khấu hoá tác phẩm văn học. Sau đó, GV dùng kĩ thuật KWL yêu cầu HS ghi tất cả những điều đã biết về sân khấu hoá tác phẩm văn học vào cột K của biểu đồ; nêu lên những điều HS muốn biết thêm vào cột W của biểu đồ; sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

GV cần nhấn mạnh lời dẫn vào bài mới: *Chuyên đề này sẽ giúp các em có thể tự tin tham gia vào hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học cùng bạn bè; có thêm cơ hội để hiểu, thấm thía hơn rằng: mỗi tác phẩm, nhân vật văn học thường mang thông điệp riêng, có đời sống riêng, đồng thời mang cả hơi thở, nhịp sống của con người và thời đại đã sản sinh ra nó.*

Lưu ý: GV có thể hướng dẫn HS tự điền câu trả lời cho các câu hỏi ở cột W vào cột L sau khi học xong chuyên đề.

2.2. Dạy học phần thứ nhất

TÌM HIỂU VỀ SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

2.2.1. Nguyên tắc chung

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bố cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu (Xem *Ma trận YCCĐ - câu hỏi đọc hiểu* đối với VB, cụm VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu Đọc VB, Trả lời câu hỏi, Thực hành theo yêu cầu của chuyên đề.

Ma trận Yêu cầu cần đạt – câu hỏi đọc hiểu (Từ tác phẩm văn học đến kịch bản sân khấu)

Yêu cầu cần đạt	Câu hỏi đọc hiểu
Nhận biết và nêu được tác dụng của các loại chú thích nghệ thuật trong kịch bản sân khấu.	1, 2
Nhận biết được sự khác biệt giữa VB văn học và kịch bản sân khấu.	5, 6, 7
Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong VB văn học và ngôn ngữ trong VB sân khấu.	3, 4, 7

Ma trận Yêu cầu cần đạt – câu hỏi đọc hiểu (Trải nghiệm vở diễn)

Yêu cầu cần đạt	Câu hỏi đọc hiểu
Hiểu được thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.	1
Nhận biết sự khác biệt giữa VB văn học, VB sân khấu và vở diễn.	2, 4
Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ sân khấu và ngôn ngữ kịch bản sân khấu.	3, 5
Liên hệ, kết nối.	4, 5

2.2.2. Gợi ý tổ chức hoạt động

TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐẾN KỊCH BẢN SÂN KHẤU

a. Chuẩn bị đọc:

– Yêu cầu của nội dung này là cho HS nắm được nội dung cốt truyện dân gian *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, lưu ý truyện cổ tích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* cũng không dài, GV có thể kể và chọn đọc một số đoạn cho HS nắm bắt tác phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh VB truyện và kịch bản. Đồng thời, hướng dẫn HS đọc bản tóm tắt truyện dân gian; xác định vị trí của đoạn trích kịch bản trong sách.

– GV giải thích về cách thực hiện phần *Theo dõi* trong khi đọc, làm thị phạm cho HS quan sát. Mời HS đọc một đoạn khác có phần *Theo dõi* và thực hiện theo cách mà GV đã làm một vài lần (Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm đôi về kết quả đọc của các HS sau khi hoạt động đọc VB trên lớp kết thúc).

b. Đọc văn bản:

– Đối với VB tóm tắt truyện dân gian: GV có thể mời HS đọc thành tiếng hoặc đọc thầm (GV có thể yêu cầu HS tìm đọc VB truyện hoàn chỉnh như là một kĩ năng tìm kiếm tài liệu).

– Đối với VB kịch bản: GV sử dụng hình thức phân vai cho HS đọc VB, nhắc và hướng dẫn HS về các điểm ngừng để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc.

c. Hướng dẫn trả lời các câu hỏi:

Trọng tâm của hệ thống câu hỏi này (tr.50 – 51) là hướng dẫn HS từng bước nhận biết được những điểm khác biệt của ngôn ngữ trong VB văn học và ngôn ngữ trong kịch bản sân khấu; nhận biết được vai trò và tác dụng của các loại chú thích trong kịch bản sân khấu,...

GV có thể hướng dẫn HS đọc và trả lời các câu hỏi tại lớp theo hình thức cá nhân hoặc nhóm đôi. Hoặc thiết kế phiếu học tập bằng cách nhóm các câu hỏi cùng mục tiêu, yêu cầu để giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà. HS sẽ chia sẻ sản phẩm chuẩn bị của mình tại lớp.

Câu hỏi 1

– *Yêu cầu:* Nhận biết và nêu được tác dụng của các loại chỉ dẫn sân khấu trong kịch bản sân khấu.

– *Cách thực hiện:*

- + GV tổ chức cho HS thực hiện cá nhân hoặc bắt cặp theo nhóm nhỏ;
- + Yêu cầu HS đọc kĩ VB để xác định vị trí của các câu trong VB;
- + HS trao đổi, chia sẻ về vai trò, chức năng của từng chỉ dẫn sân khấu;
- + GV lưu ý cách lập luận trong câu trả lời của HS.

– *Đáp án tham khảo:*

+ Đây là những chỉ dẫn sân khấu (bao gồm các gợi ý về hành động, trạng thái cảm xúc, sự xuất hiện/ biến mất,... của các nhân vật, cách bài trí sân khấu).

+ HS nhận biết được những lời chỉ dẫn sân khấu trong kịch bản có vai trò hướng dẫn, định hướng diễn xuất cho diễn viên trong các phân đoạn cụ thể. HS phân loại được các loại chỉ dẫn sân khấu (chỉ dẫn diễn xuất, chỉ dẫn bố trí sân khấu,...).

Câu hỏi 2

– *Yêu cầu:* Nhận biết và nêu được tác dụng của các loại chỉ dẫn sân khấu tương ứng với lời thoại của nhân vật trong kịch bản sân khấu; phân biệt lời thoại của nhân vật và chỉ dẫn sân khấu.

– *Cách thực hiện:*

+ Thực hiện cá nhân hoặc theo nhóm đôi;

+ GV lưu ý HS kẻ bảng mẫu trong SGK vào vở;

+ GV hướng dẫn HS đọc lướt lại một lần nữa VB kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, HS có thể lựa chọn bất kì lời thoại nào của nhân vật (có chỉ dẫn sân khấu) trong đoạn trích kịch bản.

– *Đáp án tham khảo:* HS có thể lựa chọn các lời thoại có kèm chỉ dẫn sân khấu trong kịch bản, HS xác định được hình thức chính tả (đặt trong ngoặc đơn, in nghiêng); tác dụng giúp phân biệt được lời thoại nhân vật và chỉ dẫn sân khấu hướng dẫn diễn xuất (tâm trạng, hành động của nhân vật).

Câu hỏi 3

– *Yêu cầu:* Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong tác phẩm văn học và ngôn ngữ trong kịch bản sân khấu; hiểu được đặc trưng của ngôn ngữ kịch thông qua việc phân biệt được lời độc thoại và đối thoại.

– *Cách thực hiện:*

+ HS có thể thực hiện cá nhân hoặc theo nhóm đôi;

+ Hướng dẫn HS đọc kĩ VB sân khấu;

+ HS có thể tự đặt câu hỏi phụ: Thế nào là độc thoại, đối thoại trong giao tiếp?;

+ HS thảo luận, tranh luận nhanh suy nghĩ của mình.

– *Đáp án tham khảo:*

+ Độc thoại là giao tiếp một chiều, lời thoại của nhân vật, chỉ tập trung vào cá nhân đang nói, không có sự luân phiên lời thoại với nhân vật khác. Nói cách khác, độc thoại là lời của nhân vật đang nói với chính mình, nói cho mình nghe. Mục đích chính của một cuộc độc thoại là bày tỏ những suy nghĩ, tư tưởng, cảm xúc, xung đột đang diễn ra trong nội tâm của nhân vật. Hình thức độc thoại trong kịch làm cho đời sống nội tâm của nhân vật được bộc lộ và cũng vì thế hình tượng nhân vật có sức lôi cuốn, thuyết phục được người đọc, người xem.

+ Đối thoại là giao tiếp hai chiều, đề cập đến một cuộc trò chuyện giữa hai hoặc nhiều nhân vật, có sự luân phiên lời thoại giữa các nhân vật. Cuộc đối thoại sẽ tạo ra những xung đột trong cốt truyện và góp phần phát triển cốt truyện, phát triển tình cảm kịch.

Câu hỏi 4

– *Yêu cầu:* Nhận biết được sự khác biệt giữa tác phẩm văn học và kịch bản sân khấu thông qua hoạt động đọc đối chiếu hai VB.

– *Cách thực hiện:*

+ GV có thể tổ chức cho HS thực hiện cá nhân hoặc nhóm đôi để thảo luận, tranh luận;

+ GV lưu ý HS đọc so sánh hai VB mục đích tìm ra điểm khác biệt trong kết cấu, nội dung của VB;

+ GV lưu ý cách lập luận trong câu trả lời của HS.

– *Đáp án tham khảo:*

+ HS phát hiện ra được những nhân vật mới, sự kiện mới được tác giả Lưu Quang Vũ sáng tạo thêm trong vở kịch của mình (chẳng hạn, nhân vật: Nam Tào, Bắc Đẩu, con trai Trương Ba, con dâu Trương Ba, cái Gái, cu Tị, Trương Hoạt, Lí trưởng,...; sự kiện: những phiền phức của hồn Trương Ba khi sống trong thân xác của xác hàng thịt, như: hồn Trương Ba bị nhiễm những thói hư tật xấu, bị sách nhiễu, bị người thân xa lánh,...).

+ HS nhận xét công việc chuyển thể tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu: chuyển thể tác phẩm văn học không nhất thiết phải trung thành hoàn toàn với hệ thống nhân vật, sự việc trong truyện, người chuyển thể có thể cải biên tùy theo dụng ý của mình: thêm/ bớt nhân vật, sự kiện,... nhằm làm nổi bật thông điệp mà mình muốn gửi gắm.

Câu hỏi 5

– *Yêu cầu:* HS nhận thấy được vai trò, đặc điểm của ngôn ngữ kịch, xung đột kịch so với tác phẩm văn học.

– *Đáp án tham khảo:*

Trong truyện dân gian, xung đột được giải quyết khi Đế Thích cho Trương Ba sống lại (trong xác hàng thịt), đoàn tụ với gia đình. Đối với quan niệm dân gian, việc nhầm lẫn và sửa sai (chết, cho sống lại) đã là một sự bù đắp thoả đáng. Tuy vậy, đối với kịch của Lưu Quang Vũ thì bi kịch và xung đột mới bắt đầu từ đây. Trong kịch, sự sống lại của Trương Ba đã khởi đầu cho tấn bi kịch: bi kịch của người sống không phải đời sống của mình, luôn có một cuộc đấu tranh, mâu thuẫn giằng xé giữa xác và hồn; giữa cái bên trong và bên ngoài. Như vậy, Lưu Quang Vũ đã khéo léo thêm vào những tình tiết, xung đột phát sinh từ chính những mâu thuẫn này. Từ đó, GV hướng dẫn HS rút ra thông điệp: Không thể sống không là chính mình với bất kì giá nào...

Câu hỏi 6

– *Yêu cầu:* Nhận biết được sự khác biệt giữa VB văn học và kịch bản sân khấu, giữa ngôn ngữ trong VB học và ngôn ngữ trong VB sân khấu.

– *Cách thực hiện:*

+ Có thể cho HS thực hiện theo nhóm; thảo luận trao đổi nhanh trên lớp;

+ củng cố, gợi nhớ một số hiểu biết về sự khác biệt giữa VB văn học và kịch bản sân khấu, giữa ngôn ngữ trong VB văn học và ngôn ngữ trong VB sân khấu;

+ Lưu ý đến cách vận dụng hiểu biết và cách lập luận trong câu trả lời.

– *Đáp án tham khảo:* Xuất phát từ cả đặc trưng của thể loại và ý đồ sáng tạo của tác giả. Sau khi xác định được mục đích và thông điệp muốn gửi gắm đến người xem, người biên kịch sẽ lựa chọn hình thức nghệ thuật thích hợp để chuyển tải ý đồ sáng tạo của mình.

TRẢI NGHIỆM VỞ DIỄN

a. Trước khi trải nghiệm vở diễn

– GV hướng dẫn HS lưu ý các câu hỏi sau khi trải nghiệm để chủ động chú ý quan sát trong quá trình trải nghiệm vở diễn nhằm tìm ra câu trả lời tương ứng.

– Hướng dẫn HS trong quá trình trải nghiệm vở diễn, cần nên ghi chép lại những điều lưu ý để trả lời các câu hỏi sau trải nghiệm.

Lưu ý: Vở diễn khá dài, để đảm bảo hiệu quả của việc cho HS trải nghiệm, GV nên cho HS xem trước toàn bộ vở diễn theo đường link: [<https://vtv.vn/video/hon-truong-ba-da-hang-thit-474453.htm>] hoặc xem đến màn VI, sau đó xem tiếp màn VII tại lớp.

b. Trải nghiệm vở diễn

GV quan sát, nhắc nhở HS ghi chép những thông tin cần thiết trong quá trình trải nghiệm vở diễn để thực hiện các câu hỏi sau khi trải nghiệm.

Cần chuẩn bị phương tiện màn hình, loa (âm thanh) để đảm bảo chất lượng cho HS xem. Nếu là xem trực tiếp từ website thì cần lưu ý độ ổn định của đường truyền Internet.

c. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

Trọng tâm của hệ thống câu hỏi này (tr.52) là hướng dẫn HS nhận biết được thể nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học, sự khác biệt giữa ngôn ngữ của tác phẩm văn học, ngôn ngữ của kịch bản và ngôn ngữ sân khấu.

Để giải quyết các câu hỏi sau trải nghiệm, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện cá nhân hoặc theo nhóm tùy thuộc vào mục đích và năng lực của HS. GV cũng có thể nhóm các câu hỏi cùng mục tiêu yêu cầu để thiết kế phiếu học tập cho HS, giao việc cho HS chuẩn bị các câu hỏi theo yêu cầu ở nhà và trình bày sản phẩm tại lớp.

Câu hỏi 1

– *Yêu cầu:* Nhận biết được các loại âm thanh, ánh sáng được sử dụng và tác dụng của chúng; hiểu được thể nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.

– *Cách thực hiện:*

+ HS thực hiện cá nhân, kèm phiếu học tập (nếu có);

+ GV lưu ý hướng dẫn HS liệt kê các loại âm thanh, ánh sáng được sử dụng trong toàn vở diễn hoặc một phân đoạn cụ thể và nêu được vai trò của nó.

– *Đáp án tham khảo:* Có thể nhận biết các âm thanh: tiếng mưa, tiếng sấm chớp, tiếng sáo, tiếng đàn,...; ánh sáng: đèn sân khấu, đèn chiếu,... và HS có thể cho ví dụ nhận biết được tác dụng của các loại âm thanh, ánh sáng đó trong một số phân cảnh tiêu biểu (âm thanh diễn tả cuộc sống; âm thanh tạo kịch tính, sự hồi hộp; ánh sáng biểu thị thời gian; ánh sáng kết hợp với âm thanh đẩy nhanh xung đột, tăng tính biểu đạt cảm xúc,...).

Câu hỏi 2

– *Yêu cầu:* Nhận biết sự khác biệt giữa tác phẩm văn học, kịch bản sân khấu và vở diễn, chỉ ra và lí giải điểm khác biệt giữa kịch bản sân khấu và vở diễn.

– *Cách thực hiện:*

+ GV tổ chức cho HS thảo luận, chia sẻ, tranh luận theo cặp;

+ Lưu ý HS đọc kĩ lại VB kịch bản sân khấu để dễ dàng tìm ra những điểm khác biệt;

+ Lưu ý HS dựa vào mục đích, ý đồ nghệ thuật của nhà biên kịch/ nhà sản xuất để lí giải sự khác nhau;

+ Lưu ý cách lập luận trong câu trả lời của HS.

– *Đáp án tham khảo:*

Một số điểm khác biệt:

+ Không gian và thời lượng của vở diễn có sự hạn chế; hệ thống nhân vật có sự giảm bớt (không có sự xuất hiện của cái Gái, cu Tì); cách kết thúc cũng có sự thay đổi,...

+ Cách sắp xếp, bài trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, diễn xuất của nhân vật tác động trực tiếp đến thị giác và thính giác của người xem,... (điều này mang lại những tác động về mặt cảm xúc một cách trực tiếp, nhanh, mạnh hơn khi đọc VB).

+ ...

+ HS nhận xét, lí giải được sự khác biệt: phụ thuộc vào đặc trưng của loại hình nghệ thuật biểu diễn (sân khấu) và sự cải biên của nhà sản xuất trong quá trình hiện thực hoá kịch bản.

Câu hỏi 3

– *Yêu cầu:* Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ sân khấu và ngôn ngữ kịch bản sân khấu.

– *Cách thực hiện:*

+ GV nên tổ chức cho HS thực hiện theo nhóm thảo luận, tranh luận;

+ *Đối với câu a:* GV hướng dẫn HS chọn một phân cảnh trong vở diễn, phân tích cách người diễn viên sử dụng ngữ điệu, biểu cảm, ngôn ngữ cơ thể,... để thể hiện cảm xúc, tâm trạng,... của nhân vật trong phân cảnh ấy (ví dụ, GV có thể gợi mở cho HS như sau: Khi diễn lời độc thoại của Hồn Trương Ba trong màn VII, diễn viên đã sử dụng những phương tiện phi ngôn ngữ nào? Điều đó tác động như thế nào đến người xem?...) để giải quyết yêu cầu của câu a;

+ *Đối với câu b:* Yêu cầu HS đọc một đoạn độc thoại/ đối thoại trong trích đoạn kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, xác định các chú thích hướng dẫn diễn xuất cho diễn viên tương ứng;

+ Xem lại phần diễn xuất tương ứng của diễn viên khi thực hiện lời thoại ấy trong vở diễn, xác định các biểu cảm, ngôn ngữ cơ thể, cách nhấn nhá khi thể hiện lời thoại,... từ đó rút ra nhận xét để giải quyết yêu cầu của câu b.

– *Đáp án tham khảo:*

Một số nhận xét:

+ Khi diễn xuất, người diễn viên vận dụng biểu cảm, cử chỉ, ngữ điệu,... kết hợp với lời thoại để thể hiện xúc cảm, tính cách, tâm trạng... của nhân vật.

+ Ngôn ngữ nhân vật trên sân khấu có tính trực quan, sống động, tác động mạnh đến người xem.

+ ...

Câu hỏi 4

– *Yêu cầu:* Nhận biết sự khác biệt giữa VB văn học, VB sân khấu và vở diễn.

– *Cách thực hiện:*

+ GV nên cho HS thực hiện cá nhân hoặc nhóm đôi để thảo luận, tranh luận;

+ Hướng dẫn HS đọc kĩ kết thúc trong tác phẩm văn học, kịch bản sân khấu và xem lại đoạn kết thúc của vở diễn, ghi nhận những điểm khác biệt vào giấy ghi chú;

+ Hướng dẫn HS vận dụng những hiểu biết về sự khác biệt giữa VB văn học, kịch bản sân khấu và vở diễn;

+ GV lưu ý về cách vận dụng hiểu biết của HS và cách lập luận trong câu trả lời.

– *Đáp án tham khảo:*

+ Khác biệt trong cách kết thúc: Trong truyện dân gian, hồn Trương Ba được sống lại trong xác của hàng thịt. Trong kịch bản chuyển thể, hồn Trương Ba chết hẳn, xác hàng thịt cũng không còn, cu Tị được sống lại. Trong vở diễn, hồn Trương Ba

chết hẳn, anh hàng thịt và cu Tị sống lại. Như vậy, có sự khác nhau giữa *truyện dân gian*, *kịch bản* của Lưu Quang Vũ và *vở diễn* của Đạo diễn Phạm Lê Nam.

+ HS có thể đánh giá, nhận xét về sự sáng tạo trong cách kết thúc của kịch bản và vở diễn: GV định hướng: cách kết thúc sáng tạo không làm mất đi ý nghĩa của truyện, ngược lại còn góp phần đem đến cho người đọc/ người xem những thông điệp có ý nghĩa trong cuộc sống: Con người không nên chấp nhận cuộc sống vay mượn, luôn đấu tranh để được là chính mình.

+ GV có thể mở rộng: từ kết thúc của truyện dân gian đến kết thúc của kịch bản sân khấu đã là một sáng tạo nghệ thuật mang tính triết lý tuyệt vời của Lưu Quang Vũ. Có thể nói trong “tâm đốn đọi” của dân gian, việc nhầm lẫn của Đế Thích được bù đắp, sửa sai bằng cách cho Trương Ba sống lại (trong xác anh hàng thịt) là có thể chấp nhận được. Tuy nhiên trong kịch Lưu Quang Vũ, đó không phải là lẽ công bằng, sự bù đắp mà là bi kịch của cuộc sống: sống không phải đòi sống của mình; sống trong hình hài một người khác và mất đi căn tính, bản ngã của chính mình thì đó là sự trừng phạt hơn là sự bù đắp. Cái chết của nhân vật Trương Ba vì thế hợp lý hơn với triết lý nhân sinh mà Lưu Quang Vũ theo đuổi.

+ ...

Câu hỏi 5

– *Yêu cầu:* Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ sân khấu và ngôn ngữ kịch bản sân khấu.

– *Cách thực hiện:*

+ GV có thể dùng kĩ thuật nhóm đôi (think – pair – share) để tổ chức cho HS trao đổi, chia sẻ ý kiến;

+ GV có thể yêu cầu HS xem lại đoạn đối thoại giữa Hồn và Xác trong kịch bản và phân diễn xuất đầy sáng tạo của diễn viên ở phân đoạn tương ứng trong vở kịch;

+ Củng cố, gọi nhớ một số hiểu biết về sự khác biệt giữa ngôn ngữ của nhân vật trên sân khấu và ngôn ngữ của nhân vật trong kịch bản;

+ GV lưu ý đến cách vận dụng hiểu biết và các lập luận trong câu trả lời của HS.

– *Đáp án tham khảo:*

+ HS chỉ ra được điều khó nhất khi thể hiện cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác là thể hiện được sự mâu thuẫn giằng xé giữa cái cao đẹp, thanh khiết với cái dung tục, tầm thường tồn tại trong cùng một bản thể.

+ HS nhận xét được cách xử lý của người diễn viên: vận dụng biểu cảm khuôn mặt, ngữ điệu và được sự hỗ trợ từ hiệu ứng âm thanh, ánh sáng và đạo cụ,... để thể hiện sự đấu tranh gay gắt giữa Hồn và Xác.

+ ...

ĐẶC ĐIỂM CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC VÀ KỊCH BẢN SÂN KHẤU

GV có thể giảng giải thêm cho HS về khái niệm kịch và kịch bản sân khấu như sau:

Nhìn từ loại hình, kịch là một trong ba phương thức phản ánh hiện thực của văn học (tự sự, trữ tình, kịch,...). Nhìn từ phương thức thể hiện, kịch là một loại hình tổng hợp, vừa thuộc về sân khấu (dùng để trình diễn), vừa là một loại hình văn học (kịch, tự sự, trữ tình,...). “Nó vừa để diễn là chủ yếu lại vừa để đọc vì kịch bản chính là phương diện văn học của kịch” (*Từ điển thuật ngữ văn học*, Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi – đồng Chủ biên). Kịch chứa đựng những mâu thuẫn, xung đột tồn tại trong lịch sử xã hội và nội hàm mỗi con người, từ đó phản ánh được quan điểm, thông điệp của tác giả về con người và cuộc sống.

Kịch bản, theo nghĩa đơn giản nhất, là vở kịch ở dạng VB. Tuy nhiên, trên thực tế, khái niệm kịch bản rộng hơn nhiều khi nó gắn với các loại hình như: kịch bản sân khấu; kịch bản điện ảnh; kịch bản phim truyền hình,... thậm chí khái niệm kịch bản còn mở rộng và được hiểu như là một bản đề cương (chi tiết hoặc sơ lược) của một việc nào đó: kịch bản truyền thông, sự kiện. Như vậy, dù ở loại hình nào thì từ kịch bản cũng có điểm chung là đề cương, vạch ra các bước, công đoạn của sự việc để tiến hành.

Tóm lại, kịch bản có hai cách hiểu thông thường: (1) là một vở kịch bằng VB (tác phẩm văn học) (2) là một chương trình, đề cương được mô hình hoá theo yêu cầu của loại hình (sân khấu, điện ảnh, truyền hình,...).

Theo nghĩa thứ hai này, kịch bản sân khấu là chương trình/ đề cương chi tiết được xây dựng (hay chuyển thể từ tác phẩm văn học) làm cơ sở để đạo diễn và tập thể diễn viên làm nên một tác phẩm sân khấu hoàn chỉnh.

YÊU CẦU CỦA VIỆC SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG

- GV có thể tổ chức lớp học tương tự ở phần III.
- GV nhấn mạnh mục đích và tính chất của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông.
- GV có thể yêu cầu HS sử dụng mindmap để ghi nhớ các nội dung trọng tâm hoặc tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi để khái quát lại các ý chính của bài học.

2.3. Dạy học phần thứ hai

TỔ CHỨC XÂY DỰNG KỊCH BẢN VÀ TẬP DIỄN XUẤT

2.3.1. Nguyên tắc chung

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bố cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu (Xem Ma trận YCCĐ – câu hỏi đọc hiểu đối với VB, cụm VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu: Đọc văn bản, Trả lời câu hỏi, Thực hành theo yêu cầu của chuyên đề.

Ma trận Yêu cầu cần đạt – câu hỏi đọc hiểu

Yêu cầu cần đạt	Câu hỏi đọc hiểu
Nhận biết được quy cách trình bày của kịch bản sân khấu.	2
Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.	1, 3, 4
Liên hệ, kết nối.	3, 4

2.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động

SO SÁNH VĂN BẢN TRUYỆN *CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG* VÀ KỊCH BẢN CHUYỂN THỂ

a. Chuẩn bị đọc:

GV hướng dẫn HS đọc VB truyện *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ); lưu ý các cước chú để hiểu các từ khó.

b. Đọc văn bản:

– Đối với VB truyện: GV có thể mời HS đọc thành tiếng hoặc đọc thầm. Trong SGK chỉ nêu tóm tắt, tuy vậy, VB truyện không quá dài, dựa vào tình hình thực tế, GV có thể cho HS đọc toàn bộ VB truyện để HS có thể nắm bắt nội dung tác phẩm.

– Đối với VB kịch bản: GV phân vai cho HS đọc kịch bản, có thể hướng dẫn HS dựa vào chỉ dẫn sân khấu để sử dụng ngữ điệu thể hiện tâm trạng, tính cách,... của nhân vật trong từng cảnh.

c. Hướng dẫn trả lời câu hỏi:

Trọng tâm của hệ thống câu hỏi này (tr.63 – 64) là hướng dẫn HS nhận biết được cách trình bày của một kịch bản sân khấu; biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.

GV có thể hướng dẫn HS đọc và trả lời các câu hỏi này tại lớp theo hình thức cá nhân hoặc nhóm đôi, hoặc thiết kế phiếu học tập bằng cách nhóm các câu hỏi cùng mục tiêu, yêu cầu để giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà. HS sẽ chia sẻ sản phẩm chuẩn bị của mình tại lớp.

Câu hỏi 1

– *Yêu cầu:* Nhận biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.

– *Cách thực hiện:*

- + HS thực hiện cá nhân;
- + GV hướng dẫn HS kẻ bảng mẫu trong SGK vào vở;
- + Hướng dẫn HS làm việc với ngữ liệu thực hiện thao tác so sánh giữa tác phẩm truyện và kịch bản sân khấu (tương tự ở phần thứ nhất) để tìm ra những điểm khác biệt;
- + Lưu ý cách lập luận trong câu trả lời của HS.

– *Đáp án tham khảo:*

+ Tìm ra những điểm khác biệt ở các phương diện: số lượng nhân vật, các mâu thuẫn, xung đột, cách dẫn dắt và giải quyết mâu thuẫn, xung đột, trình tự xuất hiện các sự kiện, ngôn ngữ, kết thúc, chỉ rõ mức độ cải biên nhiều/ ít giữa VB truyện và kịch bản,...

+ Từ kết quả so sánh trên, HS có thể tự rút ra những lưu ý về cách thức chuyển thể một tác phẩm sang kịch bản như sau: có thể thêm/ bớt nhân vật nhưng phải đảm bảo các tuyến nhân vật chính; hoặc thay đổi trình tự các sự kiện, kết thúc; ngôn ngữ phải mang đậm tính cá thể, gần gũi với đời thường,... Mức độ cải biên nhiều hay ít phụ thuộc vào mục đích và ý đồ nghệ thuật của người biên kịch.

Câu hỏi 2

– *Yêu cầu:* Nhận biết được quy cách trình bày của một kịch bản sân khấu hoá.

– *Cách thực hiện:*

- + GV tổ chức cho HS thực hiện cá nhân;
- + GV có thể yêu cầu HS đọc lướt một lần nữa kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (ở phần thứ nhất) để tìm hiểu những nét giống và khác nhau về cách trình bày của hai kịch bản;

+ *Lưu ý:* mục đích so sánh là hướng đến tìm hiểu quy cách trình bày của một kịch bản sân khấu do đó, GV cần hướng dẫn HS quan sát khái quát hình thức của kịch bản;

+ GV có thể lưu ý: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (ở phần thứ nhất của chuyên đề) là trích đoạn kịch bản; *Người con gái Nam Xương* (ở phần thứ hai) là một kịch bản hoàn chỉnh để HS có thể dễ dàng rút ra được nét chung và điểm khác biệt của hai kịch bản.

– *Đáp án tham khảo:*

Một số điểm giống và khác nhau:

+ Giống nhau: gợi ý về diễn xuất, bố trí sân khấu, mô tả không gian, thời gian,...
Khác nhau: tên kịch bản, thể loại, tên tác phẩm văn học được chuyển thể sang kịch bản sân khấu đặt ở đầu kịch bản,...

+ HS có thể rút ra quy cách trình bày một kịch bản: ghi nhan đề kịch bản, tiêu đề các màn, lời hướng dẫn diễn xuất, gợi ý âm thanh, ánh sáng, bố trí sân khấu,...

Câu hỏi 3

– *Yêu cầu:* Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.

– *Cách thực hiện:*

+ GV có thể tổ chức cho HS thực hiện cá nhân hoặc nhóm đôi để thảo luận, tranh luận;

+ GV hướng dẫn HS quan sát lại kịch bản (từ *Màn II* đến *Màn VI*), đối sánh với VB truyện tương ứng để chỉ ra được những điểm khác biệt;

+ Để HS dễ dàng nhận diện được điểm mới, đặc sắc, GV cần gợi nhớ kiến thức về sự khác biệt giữa tác phẩm văn học và kịch bản chuyển thể, giữa ngôn ngữ của tác phẩm văn học và ngôn ngữ của kịch bản sân khấu;

+ Lưu ý cách lập luận trong câu trả lời của HS.

– *Đáp án tham khảo:* Những đoạn trần thuật trong truyện được cải biên thành những đoạn hát ru kết hợp múa, gợi ý bố trí sân khấu, âm nhạc, ánh sáng,... trong kịch bản sân khấu. Điều này tạo sự sống động, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người xem, truyền tải thông điệp của kịch bản,...

Câu hỏi 4

– *Yêu cầu:* HS dựa vào những thu hoạch về cách thức chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu từ những câu trên, thực hành viết một màn kết mới.

– *Cách thực hiện:*

+ GV có thể chia nhóm (2 – 4 HS) để thực hiện yêu cầu này. HS xác định số lượng nhân vật và viết lời thoại, gợi ý diễn xuất cho các nhân vật trong màn kết, bao gồm: Phan Lang, Trương Sinh, Vũ Nương,...;

+ Lần lượt các nhóm trình bày phần kịch bản của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét. GV có thể gợi ý các nhóm dùng ngữ điệu và biểu cảm khuôn mặt,... để thể hiện phần kịch bản của nhóm mình vừa viết;

+ GV lựa chọn một vài kịch bản tiêu biểu của các nhóm để HS trình bày trước lớp, tổ chức cho các nhóm nhận xét, góp ý. Sau đó, có thể đăng lên góc thông tin của lớp.

QUY TRÌNH XÂY DỰNG KỊCH BẢN SÂN KHẤU HOÁ VÀ TẬP DIỄN XUẤT

– GV hướng dẫn HS từ việc hoàn thành các câu hỏi sau khi đọc VB, rút ra quy trình xây dựng kịch bản sân khấu.

– Hướng dẫn HS thực hiện mindmap để ghi nhớ nhanh các bước trong quy trình xây dựng kịch bản sân khấu.

– Trước khi chuyển sang các bài tập thực hành, GV nhắc HS đúc kết và hoàn thành cột L trong bảng KWL ở tiết 1 của chuyên đề.

THỰC HÀNH XÂY DỰNG KỊCH BẢN VÀ TẬP DIỄN XUẤT

a. Bài tập thực hành viết kịch bản sân khấu

– Mục tiêu: Xây dựng được kịch bản sân khấu thông qua việc vận dụng kiến thức đã học ở mục III và mục IV (phần thứ nhất); mục II (phần thứ hai).

– Hệ thống bài tập trong phần này đi từ mức độ vận dụng thấp đến vận dụng cao, rèn cho HS kĩ năng viết kịch bản sân khấu, bao gồm: lập dàn ý kịch bản; viết lời thoại, chú thích nghệ thuật; viết hoàn chỉnh một kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học.

– Gợi ý tổ chức:

+ GV có thể cho HS thực hiện cá nhân hoặc làm việc theo nhóm tùy mức độ yêu cầu của từng bài tập (ví dụ ở bài tập 1 và bài tập 2 có thể cho HS làm việc cá nhân, bài tập 3 và bài tập 4 GV nên tổ chức cho HS thực hiện theo nhóm từ 2 đến 4 HS);

+ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm theo sự phân công của GV tại lớp / tại nhà tùy thuộc vào mức độ yêu cầu của bài tập;

+ HS chia sẻ sản phẩm cá nhân hoặc nhóm của mình, GV cần lưu ý cách thức HS vận dụng những kiến thức đã học để cụ thể hoá thành sản phẩm cá nhân / nhóm để có những đánh giá phù hợp;

+ GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự kiểm tra bài viết cá nhân / nhóm, sau đó cho HS chấm chéo bài của nhau theo các tiêu chí đã được đề ra trong bảng kiểm.

Bài tập 1

Dạng bài tập này rèn cho HS kĩ năng lập dàn ý một kịch bản chuyển thể. GV có thể tổ chức cho HS đọc các tác phẩm văn học được yêu cầu trong đề, bao gồm: *Sự tích Hồ Gươm*; *Bánh chưng, bánh giầy*; *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi; *Giang – Bảo Ninh*; *Buổi học cuối cùng* – An-phông-xơ Đô-đê; *Lời má năm xưa* – Trần Bảo Định,... hoặc tác phẩm văn học mà mình yêu thích; sau đó yêu cầu HS xem lại quy trình viết kịch bản sân khấu. Khi HS lựa chọn được tác phẩm văn học mình muốn lập dàn ý, GV có thể định hướng HS thực hiện yêu cầu của đề như sau:

– Hướng dẫn HS lên ý tưởng: 1) Xác định thông điệp muốn gửi gắm đến người đọc; 2) Phác hoạ ý tưởng: yêu cầu HS thống kê số lượng các nhân vật, vẽ sơ đồ các sự kiện chính trong VB. Dựa vào thống kê và sơ đồ, GV gợi ý cho HS có thể bớt / thêm vào một số sự việc / nhân vật bên cạnh các sự kiện / nhân vật chính để thể hiện được ý đồ nghệ thuật; sắp xếp các sự kiện vào các màn nhằm làm nổi bật ý tưởng của mình (HS có thể trung thành với cách sắp xếp sự kiện của tác phẩm, hoặc thay đổi trình tự các sự kiện,... tùy thuộc vào mức độ cải biên).

– Hướng dẫn HS lập dàn ý: GV định hướng cho HS thực hiện trả lời các câu hỏi trong phần lập dàn ý (đã được học ở phần thứ hai, mục II).

Bài tập 2

Đây là bài tập giúp HS từng bước thực hành viết kịch bản ở mức độ cơ bản nhất. Đối với bài tập này, GV có thể gợi nhớ cho HS những kiến thức đã học về vai trò và tác dụng của các chú thích nghệ thuật trong kịch bản; hướng dẫn HS thực hiện tuần tự các bước trong quy cách trình bày kịch bản sân khấu hoá (cách viết tiêu đề của kịch bản, các chỉ dẫn sân khấu,...); GV có thể làm mẫu một đoạn thoại cho HS theo dõi hoặc định hướng như sau:

– Đối với lời thoại của nhân vật: ghi chỉ dẫn sân khấu hướng dẫn hành vi, giọng nói, sắc thái biểu cảm,... của nhân vật tương ứng với từng lời thoại/ lượt lời.

– Đối với các đoạn miêu tả/ kể, HS cần:

+ Chuyển đổi thành các chỉ dẫn không gian, thời gian; chú thích gợi ý bố trí sân khấu, sự xuất hiện/ biến mất của nhân vật/ nhóm nhân vật,...

+ Chuyển đổi thành các lời bàng thoại.

Bài tập 3

GV tổ chức cho HS đọc hai VB theo yêu cầu của đề, bao gồm: *Gặp Ka-ríp và Xi-la; Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời* để lựa chọn VB chuyển thể. Trên cơ sở những kĩ năng, kinh nghiệm có được sau khi thực hiện bài tập 1 và 2, HS sẽ tiến hành giải quyết yêu cầu của đề. GV có thể định hướng cho HS như sau:

– Đối với VB *Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời*, HS có thể thực hiện tương tự bài tập 2.

– Đối với VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*, khi chuyển sang kịch bản sân khấu, HS cần lưu ý:

+ Xác định số lượng nhân vật, sự việc,... trong VB; bổ sung lời thoại/ lượt thoại và chỉ dẫn sân khấu cho các nhân vật chưa có lời thoại.

+ Chỉnh sửa và bổ sung lời thoại (có sẵn) của các nhân vật, đính kèm chỉ dẫn sân khấu tương ứng.

+ Chuyển đổi các đoạn miêu tả/ kể thành những chỉ dẫn về diễn xuất/ bài trí sân khấu hoặc lời bàng thoại.

Bài tập 4

Thông qua các sản phẩm cá nhân đã thực hiện ở bài tập 1, GV hướng dẫn HS lựa chọn dàn ý phù hợp để triển khai thành một kịch bản hoàn chỉnh. Đối với bài tập này, HS phải vận dụng những kinh nghiệm rút ra được từ các bài tập trước để triển khai thực hiện một kịch bản tương đối hoàn chỉnh. Dựa vào mức độ yêu cầu của bài tập, GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà và trình bày sản phẩm tại lớp.

Ngoài việc gợi nhắc cho HS quy cách trình bày của một kịch bản hoàn chỉnh, GV có thể định hướng cho HS như sau:

– Đối với kịch bản chuyển thể từ *Sự tích Hồ Gươm*; *Bánh chưng, bánh giầy*: chú ý những gợi ý về bố trí sân khấu tái hiện được không gian, thời gian đặc trưng trong truyền thuyết; lời thoại thể hiện được khí chất, phẩm chất của nhân vật anh hùng,...

– Đối với kịch bản chuyển thể từ *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi): chú ý những gợi ý về bố trí sân khấu mang đặc trưng của không gian Nam Bộ; lời thoại nhân vật mang đậm sắc thái vùng miền, dân dã, gần gũi với sinh hoạt đời thường...

– Đối với kịch bản chuyển thể từ *Giang* (Bảo Ninh); *Buổi học cuối cùng* (An-phông-xơ Đô-đê): chú ý những gợi ý về hành động, thái độ nhân vật; lời thoại phải thể hiện tính cách, chuyển biến tâm lí phức tạp của các nhân vật,...

– ...

Lưu ý: GV cần nhắc nhở HS những lỗi thường gặp phải khi viết kịch bản:

+ Lời thoại của nhân vật dài dòng, lan man, chưa làm nổi bật được tính cách, tâm trạng,... của các nhân vật.

+ Thêm/ bớt sự việc, tuyến nhân vật,... nhưng chưa làm nổi bật thông điệp của kịch bản.

+ Còn những đoạn dẫn, kể dài dòng.

b. Bài tập thực hành diễn xuất

– Mục tiêu: Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn một màn/ cảnh trong kịch bản sân khấu.

– Trọng tâm của hệ thống bài tập là rèn kĩ năng diễn xuất cho HS thông qua các bài tập thực hành ở các mức độ: diễn xuất bằng giọng nói một/ nhiều lời thoại bất kì; diễn xuất lời đối thoại và độc thoại; diễn một phân đoạn có tương tác với bạn diễn; thực hiện biểu diễn một màn hoàn chỉnh trong kịch bản.

– Gợi ý tổ chức:

+ GV tổ chức cho HS thực hiện cá nhân hoặc theo nhóm tùy thuộc vào mức độ yêu cầu của từng bài tập (có thể thực hiện cá nhân đối với bài tập 1 và bài tập 2; thực hiện theo nhóm đối với bài tập 3 và bài tập 4);

+ GV có thể linh hoạt giao nhiệm vụ cho các nhóm chuẩn bị ở nhà, sau đó HS sẽ biểu diễn tại lớp (tùy thuộc vào mức độ yêu cầu của từng bài tập và thời lượng tiết học);

+ GV tổ chức cho HS tự kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các bài tập diễn xuất của cá nhân và bạn bè (GV có thể gợi ý một số tiêu chí như sử dụng ngữ điệu, biểu cảm, cử chỉ,...) hoặc tổ chức bình chọn cho màn kịch/ nhân vật mà HS ấn tượng nhất sau khi xem xong phần biểu diễn của các nhóm.

Bài tập 1

Mục tiêu của bài tập này là hướng dẫn HS sử dụng giọng nói khi diễn xuất sao cho hiệu quả.

GV có thể đọc mẫu hoặc cho HS xem một đoạn kịch bản đọc diễn cảm và diễn xuất bằng giọng nói để HS có thể nhận biết sự khác biệt. Hướng dẫn HS chọn lời thoại trong kịch bản để thực hành diễn bằng giọng nói trước lớp (lưu ý hướng dẫn HS xác định được độ tuổi, giới tính, cảm xúc, tâm trạng,... của nhân vật trong câu thoại mà mình vừa lựa chọn để định hướng thực hành). Khi cho ví dụ về diễn xuất bằng giọng nói, GV hướng dẫn HS cần điều chỉnh tông giọng, tốc độ nói, ngữ điệu, điểm dừng, sử dụng cường độ, trường độ,... để thể hiện độ tuổi, giới tính, tâm trạng, tính cách,... nhân vật. GV có thể định hướng cho HS như sau:

– Đối với câu thoại thể hiện tâm trạng tức giận của nhân vật, HS điều chỉnh tông giọng, tốc độ nói nhanh, gấp gáp, dứt khoát, sử dụng cường độ, ngữ điệu để nhấn vào các từ ngữ quan trọng,...; đối với câu thoại thể hiện sự luyến tiếc của nhân vật, HS cần hạ tông giọng trầm, tốc độ nói chậm, kéo dài âm lượng, kết hợp với các điểm dừng trong câu thoại, kèm tiếng thở dài,...

– Chú ý đến độ tuổi, giới tính của nhân vật để có thể điều chỉnh giọng nói phù hợp, chẳng hạn, khi diễn xuất câu thoại của nhân vật là trẻ em, cần chỉnh tông giọng cao, trong trẻo,...; ngược lại, khi diễn xuất câu thoại của nhân vật là người lớn tuổi, cần chọn tông giọng trầm, khàn đục hơn,...

– GV nên lưu ý HS dù thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật thuộc giới tính, độ tuổi nào, cũng cần thể hiện rõ ràng, rành mạch lời thoại, không làm méo tiếng hoặc nuốt chữ,...

– GV có thể gợi ý cho HS thực tập thêm ở nhà bằng cách thu âm và nghe lại, tự điều chỉnh, rút kinh nghiệm.

Bài tập 2

Dạng bài tập này đòi hỏi HS phải sử dụng tốt giọng nói, kết hợp với việc vận dụng các yếu tố như: ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, dáng điệu, di chuyển,... để tập diễn xuất.

GV có thể gợi nhắc HS xem lại các ví dụ về đối thoại và độc thoại khi tìm hiểu kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* ở phần thứ nhất của chuyên đề, xem lại các phân cảnh diễn viên thực hiện các đoạn đối thoại, độc thoại trong vở diễn *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* ở mục *Trải nghiệm vở diễn*; sau đó gợi ý cho HS lựa chọn đoạn độc thoại, đối thoại mà mình ấn tượng nhất để thể hiện trước tập thể lớp. GV có thể định hướng diễn xuất như sau:

– Diễn lời độc thoại: Hướng dẫn HS tập trung vào câu thoại, chú ý vận dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ (ánh mắt, cử chỉ, nét mặt,...) để thể hiện cao trào cảm xúc của nhân vật trong phân đoạn ấy.

– Diễn lời đối thoại: bên cạnh việc thể hiện được diễn biến tâm trạng của nhân vật, HS phải định hướng cách di chuyển, thực hiện các hành động biểu cảm khuôn mặt để tương tác với bạn diễn, biết ngừng ở các lượt lời/ lời thoại khi cần thiết.

– GV có thể gợi ý cho HS đứng trước gương tự thực tập thêm ở nhà.

Bài tập 3

Đây là dạng bài tập thực hành giúp HS có thể tương tác với bạn diễn thông qua việc diễn xuất luân phiên các lượt lời trong kịch bản sân khấu.

GV gợi nhắc cho HS đọc lại màn VII kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, hướng dẫn HS nắm bắt những chuyển biến tâm lí của nhân vật: Hồn Trương Ba, Xác hàng thịt, vợ Trương Ba, Đế Thích,... Để HS có thể dễ dàng hình dung cách thức diễn xuất, GV có thể tổ chức cho HS xem lại một đoạn trong vở diễn *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, phân tích một số ví dụ tiêu biểu về cách thức vận dụng phương tiện phi ngôn ngữ của diễn viên.

GV sẽ hướng dẫn HS bắt cặp, phân vai và tập dượt với nhau. Do điều kiện thời gian trên lớp còn hạn chế, GV có thể linh hoạt cho HS lựa chọn đoạn đối thoại hoặc phân công ngẫu nhiên cho các nhóm.

Sau đó, GV định hướng diễn xuất cho HS như sau:

– Đoạn đối thoại giữa Hồn Trương Ba với Xác hàng thịt:

+ Đối với nhân vật Hồn Trương Ba: giọng nói, ánh mắt, hành động, cử chỉ,... chuyển đổi từ mạnh mẽ, quyết liệt,... sang bất lực, buông xuôi, chán nản,...

+ Đối với nhân vật Xác hàng thịt: giọng nói, ánh mắt, hành động, cử chỉ,... thể hiện thái độ mỉa mai, đắc thắng,...

– Đoạn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và vợ Trương Ba:

+ Đối với nhân vật Hồn Trương Ba: giọng nói, ánh mắt, hành động, cử chỉ,... thể hiện được tâm trạng bế tắc, đau buồn,...

+ Đối với nhân vật vợ Trương Ba: giọng nói, ánh mắt, hành động, cử chỉ,... thể hiện được tâm trạng thất vọng, buồn chán,...

– Đoạn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích:

+ Đối với nhân vật Hồn Trương Ba: giọng nói, ánh mắt, hành động, cử chỉ,... thể hiện được thái độ quyết liệt, dứt khoát,...

+ Đối với nhân vật Đế Thích: giọng nói, ánh mắt, hành động, cử chỉ,... thể hiện được thái độ ngạc nhiên,...

– GV lưu ý HS: khi chờ đợi tới lượt lời của mình, cần sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để tương tác, kết nối với bạn diễn.

Bài tập 4

Để thực hiện được bài tập này, HS cần vận dụng những kinh nghiệm rút ra được từ các bài tập thực hành trước. Dựa vào mức độ yêu cầu, GV nên giao nhiệm vụ trước một tuần để HS có sự chuẩn bị chu đáo.

GV hướng dẫn HS lựa chọn một màn trong kịch bản của tác giả chuyên nghiệp hoặc tự biên tự diễn một màn kịch. GV cần kiểm duyệt trước kịch bản mà HS sẽ biểu diễn trước lớp (nếu HS tự viết kịch bản thì GV cần kiểm tra chất lượng kịch bản); gợi ý trang phục biểu diễn và đạo cụ cần thiết.

Lưu ý:

– Mức độ hiểu rõ nhân vật khi diễn xuất sẽ quyết định mức độ thành công của vai diễn, do vậy, để có thể diễn xuất tốt, GV lưu ý HS cần đọc kĩ tác phẩm văn học và kịch bản sân khấu để nắm được diễn biến tâm lí, đặc trưng tính cách của từng nhân vật.

– Nếu HS gặp khó khăn trong bài tập thực hành biểu diễn, GV cần tham gia cố vấn, định hướng diễn xuất cho HS.

– Đối với nhân vật chính:

+ Nếu HS lựa chọn kịch bản chuyển thể từ sử thi hoặc truyền thuyết, nhân vật chính là người anh hùng, trong quá trình diễn xuất không nên đặt nặng vào diễn xuất nội tâm, đồng thời chú ý tập trung vào giọng nói, hành động,... để thể hiện khí chất của người anh hùng cộng đồng.

+ Nếu HS lựa chọn kịch bản chuyển thể từ truyện trung đại, hiện đại,... nhân vật chính là con người đời thường, trong quá trình diễn xuất, HS cần lưu ý tập trung vào những chuyển biến nội tâm phức tạp của các nhân vật.

– Đối với nhân vật phụ: Lời thoại và biểu đạt cảm xúc phải phù hợp với tính cách của nhân vật; tương tác với nhân vật chính.

– ...

Do thời lượng tiết học trên lớp hạn chế, GV nên linh hoạt gợi ý cho HS thực hiện quay video clip ở nhà và trình bày sản phẩm trên lớp.

2.4. Dạy học phần thứ ba

QUY TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG SÂN KHẤU HOÁ

2.4.1. Nguyên tắc chung

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học.

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu: Đọc văn bản; Trả lời câu hỏi; Thực hành theo yêu cầu của chuyên đề.

2.4.2. Gợi ý tổ chức hoạt động

Bên cạnh mục tiêu hướng dẫn HS nắm được quy trình tổ chức hoạt động sân khấu hoá, trong phần này, GV cần hướng đến rèn luyện, đánh giá năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề của HS,... Theo đó, GV sẽ củng cố, gợi nhắc cho HS vận dụng những kiến thức đã học trong các tiết trước để tiến hành thực hiện một buổi diễn sân khấu hoá hoàn chỉnh theo các bước gợi ý trong sách HS.

Bước 1: Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS lập bản kế hoạch như gợi ý trong SGK (do nhóm ban tổ chức thực hiện). GV diễn giải nhiệm vụ của từng bộ phận cho HS nắm rõ vai trò, trách nhiệm của các nhóm trong việc tổ chức hoạt động sân khấu hoá.

Trên cơ sở HS hiểu được chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận/ nhóm, GV tiến hành phân chia nhóm làm việc cho HS. Việc phân chia nhóm có thể tiến hành theo nhiều cách nhằm tối ưu hoá thế mạnh của từng HS. Dưới đây là gợi ý:

+ Cách thứ nhất: Phân chia ngẫu nhiên: Yêu cầu HS luân phiên đọc lần lượt các số từ 1 đến 6 tương ứng với các nhóm: *nhóm lên ý tưởng, viết kịch bản; nhóm diễn xuất; nhóm thiết kế sân khấu, đạo cụ; nhóm âm thanh, ánh sáng; nhóm quay phim, ghi hình; nhóm ban tổ chức*. (ví dụ: nếu lượt số của HS là 1, HS sẽ vào nhóm lên ý tưởng, viết kịch bản; tương tự nếu là lượt số 2, HS sẽ vào nhóm diễn xuất,...).

+ Cách thứ hai: Phân chia theo năng lực, sở thích: HS sẽ được tự do lựa chọn tham gia nhóm phù hợp với năng lực và sở thích của bản thân.

Thông thường, cách thứ hai sẽ đem lại hiệu quả làm việc tốt hơn so với cách chia nhóm thứ nhất. Tuy vậy cũng sẽ có những trường hợp, HS không biết lựa chọn vào nhóm nào, hoặc một nhóm có quá nhiều hoặc quá ít thành viên. Để giải quyết khó khăn này, GV có thể sử dụng kết hợp cả 2 cách chia nhóm như sau: GV lựa chọn một vài HS có năng khiếu ở các bộ phận làm thành viên nòng cốt (ví dụ: lựa chọn HS có năng khiếu sáng tác, viết tốt vào nhóm lên ý tưởng, sáng tác kịch bản; HS có năng khiếu về thiết kế, mỹ thuật,... vào nhóm thiết kế sân khấu, đạo cụ,...), các thành viên còn lại trong nhóm sẽ được phân chia ngẫu nhiên theo cách chia nhóm thứ nhất. Điều này vừa đảm bảo được hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm, vừa hạn chế trường hợp chênh lệch số lượng thành viên ở các bộ phận/ nhóm.

Sau khi chia nhóm, giao nhiệm vụ, GV sẽ lựa chọn một HS chịu trách nhiệm chính (nhóm trưởng). Để đảm bảo tất cả các thành viên trong nhóm đều làm việc, GV sẽ yêu cầu nhóm trưởng thực hiện bảng phân công cụ thể cho từng thành viên. GV có thể gợi ý cho HS thực hiện phân công của nhóm như sau:

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
NHÓM:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thành viên chịu trách nhiệm thực hiện
1.	...	...	...
2.	...	...	...
3.	...	...	...
...	...	...	...

Dựa vào bảng phân công nhiệm vụ của nhóm, GV sẽ dễ dàng giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên.

Bước 2: Triển khai thực hiện

GV hướng dẫn cho HS nắm rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của các nhóm trong quá trình tổ chức sân khấu hoá tác phẩm văn học.

GV cần theo sát các nhóm trong quá trình tiến hành triển khai thực hiện theo bản kế hoạch, kịp thời đưa ra những chỉ dẫn, cố vấn hoặc định hướng cho các nhóm hoàn thành tốt công việc được giao.

GV cần liên lạc với các nhóm trưởng theo hình thức trao đổi trực tiếp hoặc gián tiếp (qua các kênh mạng xã hội) để nắm được tiến trình chuẩn bị và đánh giá được thái độ, cách thức làm việc của các thành viên trong nhóm.

Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm

GV tổ chức hướng dẫn các nhóm tự đánh giá, rút kinh nghiệm theo các tiêu chí đề ra trong bảng đánh giá (SGK), đồng thời các nhóm sẽ đánh giá chéo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhóm bạn. Sau đó, GV sẽ lưu ý các vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các nhóm.

Bên cạnh bảng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các nhóm, GV có thể thiết kế bảng kiểm để thành viên trong nhóm tự đánh giá và đánh giá chéo mức độ thực hiện nhiệm vụ của thành viên cùng nhóm.

Bảng kiểm có thể thiết kế như sau:

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ

Tên HS:

Nhóm:

Nhiệm vụ được giao:

Nội dung đánh giá	Đạt	Chưa đạt
Hoàn thành nhiệm vụ được giao		
Hỗ trợ các bạn khác trong nhóm thực hiện nhiệm vụ		
Vui vẻ, hoà đồng, cởi mở, hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm		
Thực hiện nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc của nhóm		

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM

Tên HS tham gia đánh giá:

Nhóm:

STT	Tên thành viên được đánh giá	Nhiệm vụ	Mức độ thực hiện nhiệm vụ (Tốt/ Khá/ Trung bình/ Chưa tốt)	Ghi chú lí do
1.	...	...	...	...
2.	...	...	...	...
3.	...	...	...	...
...	...	...	...	...

Sau khi cho HS tự đánh giá và đánh giá chéo, GV sẽ đánh giá năng lực hợp tác, tự chủ, sáng tạo của HS.

Lưu ý: Hoạt động tổ chức sân khấu hoá tác phẩm văn học đòi hỏi cần có sự đầu tư về kinh phí, thời gian, công sức,... do đó, GV cần hỗ trợ và hướng dẫn HS lên kế hoạch cụ thể để đảm bảo được chất lượng của vở diễn và thời gian học tập của HS.

Chuyên đề 3

ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT (10 TIẾT)

1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Yêu cầu cần đạt: Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Biết yêu quý cái đẹp trong nghệ thuật, trân trọng những sáng tạo của bản thân và của người khác.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc; viết bài giới thiệu và trình bày, giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết,...* trong quá trình học tập chuyên đề, nhằm đáp ứng các YCCĐ như sau:

- Biết cách đọc một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.
- Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.
- Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.

Lưu ý: Mức độ thành công hay chất lượng của bài học, về cơ bản, phụ thuộc vào chất lượng thực hiện các YCCĐ nêu trên.

1.2. Đặc điểm bài học và phân bố số tiết

1.2.1. Đặc điểm bài học

a. Về nhiệm vụ của chuyên đề:

– Chuyên đề *Đọc, viết và giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết* được thiết kế theo nguyên tắc phát huy tính chủ động và năng lực sáng tạo của HS trong quá trình chiếm lĩnh tri thức; bám sát các YCCĐ về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù mà CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra.

– Bên cạnh nhiệm vụ học tập chung, mỗi phần trong chuyên đề đảm nhận các nhiệm vụ học tập riêng. Cụ thể:

+ Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập ở phần thứ nhất: hướng dẫn HS nhận biết một số các tri thức về đặc trưng của thơ, tập thơ và cách đọc thơ, tập thơ; đặc trưng của truyện ngắn, tập truyện ngắn, tiểu thuyết và cách đọc truyện ngắn, tập truyện ngắn, tiểu thuyết. Thông qua các hoạt động đọc và thực hành đọc, HS có thể biết cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hay tiểu thuyết.

+ Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập ở phần thứ hai: hướng dẫn HS phân tích kiểu bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hay một tiểu thuyết. Thông qua hoạt động *Trả lời câu hỏi* sau khi đọc bài giới thiệu mẫu, HS xác định được đặc điểm của kiểu bài (cấu trúc, nội dung từng phần), từ đó, HS có thể rút ra các bước thực hiện bài giới thiệu sách. Thông qua các bảng kiểm, HS có thể tự đánh giá, điều chỉnh bài viết.

+ Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập ở phần thứ ba: hướng dẫn HS tiến hành thực hiện các khâu tổ chức sự kiện câu lạc bộ đọc, giới thiệu tác phẩm văn học; hướng dẫn HS tự kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ qua bảng kiểm.

b. Về cấu trúc bài học:

Phần thứ nhất: Cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

- Đọc sách: hình thành thói quen và kĩ năng
- Cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết
- Thực hành đọc

Phần thứ hai: Viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

- Mục đích của việc viết bài giới thiệu một tập thơ một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết
- Cấu trúc bài giới thiệu tập thơ, tập truyện, tiểu thuyết
- Các bước thực hiện bài viết

Phần thứ ba: Trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

- Những yêu cầu chung
- Các bước thực hiện
- Tổ chức sự kiện câu lạc bộ đọc, giới thiệu tác phẩm văn học

Ma trận yêu cầu cần đạt – Nội dung dạy học chuyên đề 3

Nội dung dạy – học	Yêu cầu cần đạt
Phần thứ nhất: Cách đọc một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết a. Đọc sách: hình thành thói quen và kĩ năng b. Cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết c. Thực hành đọc	Biết cách đọc một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.

Phần thứ hai: Viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết a. Mục đích của việc viết bài giới thiệu một tập thơ một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết b. Cấu trúc bài giới thiệu tập thơ, tập truyện, tiểu thuyết c. Các bước thực hiện bài viết	Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.
Phần thứ ba: Trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết a. Những yêu cầu chung b. Các bước thực hiện c. Tổ chức sự kiện câu lạc bộ đọc, giới thiệu tác phẩm văn học	Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.

1.2.2. Phân bố số tiết

- Phần thứ nhất: *Cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết* (4 tiết)
- Phần thứ hai: *Viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết* (3 tiết)
- Phần thứ ba: *Trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết* (2 tiết)

Ôn tập: 1 tiết (ở nhà)

Việc phân bố thời gian cho hoạt động rèn luyện từng kĩ năng được xác định ở mục *Số tiết và phân bố số tiết*. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng sư phạm sau:

1.3. Phương pháp và phương tiện dạy học

1.3.1. Phương pháp dạy học

- Kết hợp diễn giải gắn với việc tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, trình bày ý kiến, đóng vai.
- Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn,...
- Tổ chức cho HS thực hành đọc, viết, nói và nghe.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng một số kĩ thuật dạy học như KWL, 5W1H, khăn trải bàn,... trong quá trình tổ chức dạy học.

1.3.2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.

- Ảnh chân dung tác giả; máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, tư liệu liên quan.
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.
- ...

2. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ

2.1. Giới thiệu bài học

GV có thể sử dụng một trong những cách sau để giới thiệu bài học:

- Sử dụng phần giới thiệu trong SGK, kết hợp giới thiệu hình ảnh của một vài hình ảnh tập thơ, truyện ngắn hay tiểu thuyết.
- Nêu câu hỏi yêu cầu HS chia sẻ kinh nghiệm của mình khi đọc một tác phẩm văn học hoặc kinh nghiệm giới thiệu sách đã đọc cho người khác.
- Nêu ấn tượng sâu sắc khi đọc lời giới thiệu cho một tập sách.

Dựa vào câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài mới, kết hợp giới thiệu lợi ích của việc đọc sách, giới thiệu sách.

2.2. Dạy học phần thứ nhất

CÁCH ĐỌC MỘT TẬP THƠ, TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

2.2.1. Thói quen và kĩ năng đọc sách

a. Chuẩn bị đọc

– Trao đổi với HS về thói quen đọc sách; ý nghĩa của việc đọc sách bằng một số câu hỏi gợi ý như sau:

- + Bạn có yêu thích việc đọc sách không?
- + Thể loại bạn thường đọc là gì? Kể tên một số sách văn học mà bạn đã đọc.
- + Chia sẻ một kỉ niệm đọc sách mà bạn nhớ nhất.

– Giới thiệu về VB “Hình thành thói quen và kĩ năng đọc sách” (Trích *Đọc sách như một nghệ thuật*, Hải Nhi dịch, alphabooks - NXB Lao động – Xã hội, 2008). GV có thể cung cấp một số thông tin liên quan đến cuốn sách để thấy được ý nghĩa của sức ảnh hưởng đến việc hình thành thói quen và kĩ năng đọc: *Đây là một cuốn sách được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1940, của tác giả Mortimer J. Adler, một nhà triết học, nhà giáo dục nổi tiếng người Mỹ. Ngay sau khi xuất bản, cuốn sách nhanh chóng trở thành một trong những cuốn sách bán chạy nhất năm, có số lượng phát hành lớn. “Đọc sách như một nghệ thuật” được đánh giá là cuốn sách hướng dẫn đọc hiểu hiệu quả và lí thú; được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau.*

b. Đọc văn bản

– Mời 1 – 2 học sinh đọc to VB, HS khác đọc thầm và dùng bút chì gạch chân các từ khoá quan trọng theo gợi ý của các thẻ đọc.

– Chia nhóm đôi, yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung từng phần trên cơ sở các từ khoá đã gạch chân.

c. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

HS suy nghĩ cá nhân và trả lời ba câu hỏi.

Câu hỏi 1

Cách thức thực hiện

Cho HS thảo luận theo cặp để phân biệt thói quen, quy tắc, kĩ năng và tìm mối quan hệ giữa thói quen, quy tắc, kĩ năng.

Gợi ý trả lời câu hỏi:

– Thói quen có được nhờ sự lặp đi lặp lại của hoạt động; qua đó sẽ hình thành kĩ năng.

– Kĩ năng không đồng nhất với quy tắc nhưng để hình thành thói quen, kĩ năng cần hiểu quy tắc.

– Biết quy tắc chưa chắc đã hình thành thói quen hay kĩ năng nhưng hiểu quy tắc sẽ hình thành thói quen hiệu quả hơn.

Giữa thói quen, kĩ năng và quy tắc có mối quan hệ chặt chẽ, không đồng nhất nhưng yếu tố này là điều kiện cần của yếu tố kia.

Câu hỏi 2

Cách thức thực hiện

Tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm, mỗi nhóm liệt kê ít nhất hai lí do vì sao cần hình thành thói quen và kĩ năng đọc sách, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày.

Gợi ý trả lời câu hỏi: Đây là câu hỏi mở, HS có thể có những câu trả lời khác nhau, tuy nhiên, cần nêu được hai ý:

– Cần hình thành thói quen và kĩ năng đọc sách để thường xuyên mở rộng nhận thức, bồi dưỡng tâm hồn, trở thành người có văn hoá.

– Hình thành thói quen đọc sách để học cách giao tiếp: viết và nói tốt hơn.

Câu hỏi 3

Cách thức thực hiện

Hướng dẫn HS ghi ít nhất hai bài học vào tờ giấy ghi chú (stick note) và dán lên bảng. Sau đó, GV chọn đọc một số ý kiến tiêu biểu cho cả lớp nghe.

Gợi ý trả lời câu hỏi: Đây là câu hỏi mở nên GV không gò ép câu trả lời của HS. Các câu trả lời có thể là:

– Đọc sách cũng là một nghệ thuật, cần quá trình rèn luyện nghiêm túc.

– Muốn trở thành một người đọc sách có văn hoá, có kĩ năng cần hình thành thói quen đọc sách. Nhưng thói quen chưa đủ, cần phải có những hiểu biết, những quy tắc nhất định.

– ...

2.2.2. Cách đọc một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

a. Một số đặc trưng của thơ, tập thơ và cách đọc thơ, tập thơ

Đặc trưng của thơ, tập thơ

Yêu cầu: HS hệ thống hoá những tri thức đọc hiểu cơ bản về đặc điểm thể loại thơ, bài thơ, tập thơ.

Cách thức thực hiện:

– HS kể tên một số tác phẩm thơ đã học, đã biết và chia sẻ về một bài thơ yêu thích nhất.

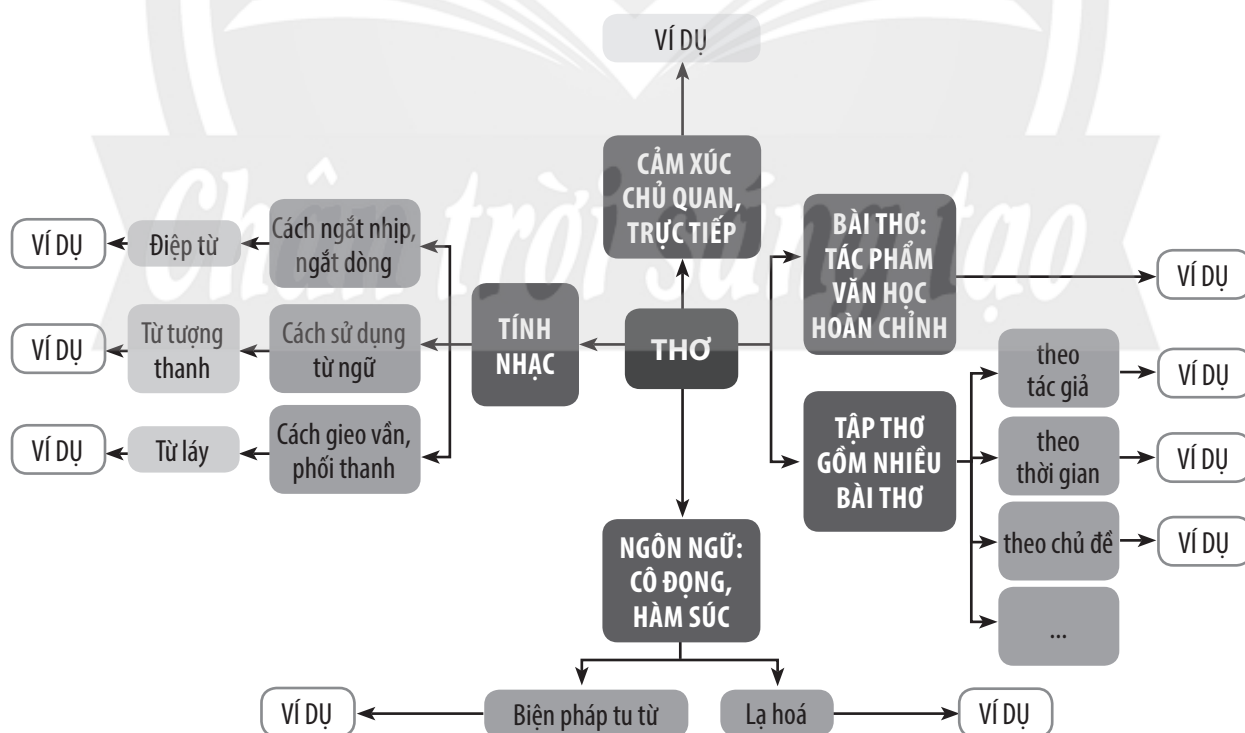
– Yêu cầu HS nêu một số hiểu biết về đặc điểm thơ bằng kĩ thuật trình bày 1 phút/ tia chớp hoặc tổ chức trò chơi truyền điện (mỗi bạn nói một ý và gọi bạn kế tiếp; GV ghi nhanh các ý lên bảng; sau đó gọi HS tổng hợp lại).

– Tổ chức HS làm việc theo nhóm:

+ Nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ đặc điểm cơ bản của thơ, bài thơ, tập thơ, lấy các ví dụ minh hoạ từ các VB thơ đã học/ đọc (có thể cho HS vẽ sơ đồ ở nhà hoặc tại lớp trên giấy A0).

+ HS báo cáo kết quả bằng kĩ thuật phòng tranh; kết hợp kĩ thuật 321 (điều bạn biết thêm, điều bạn tâm đắc, băn khoăn của bạn): mời một nhóm báo cáo (một hoặc một số HS trong nhóm cùng báo cáo), các nhóm khác bổ sung.

Gợi ý sơ đồ tư duy về đặc điểm thơ và bài thơ, tập thơ:



– Trao đổi về một số vấn đề chưa rõ liên quan đến đặc điểm của thơ/ tập thơ, HS chia sẻ, GV bổ sung và giảng giải một số thuật ngữ khó như:

+ *Lạ hoá*: chỉ những thủ pháp trong nghệ thuật, những cách thức làm cho đối tượng được miêu tả không như ta đã quen biết mà rất “khác lạ”; nhờ đó làm cho tác phẩm trở nên hấp dẫn, ấn tượng, góp phần thể hiện thông điệp mà nhà văn muốn gửi gắm.

+ *Chủ thể trữ tình* là hình tượng cái “tôi” của tác giả trong thơ, còn gọi là nhân vật trữ tình. Nhân vật trong tác phẩm trữ tình là nhân vật xuất hiện trong thơ, là đối tượng bộc lộ cảm xúc của chủ thể trữ tình.

– GV đặt câu hỏi chuyển tiếp: *Việc hiểu được các đặc điểm của thơ có ý nghĩa như thế nào đối với việc đọc thơ/tập thơ?*

Gợi ý trả lời:

– Có thể xem những hiểu biết về thơ là quy tắc. Một người đọc được thơ (hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả việc đọc thành tiếng) chưa chắc đã hiểu về đặc điểm của thơ. Nhưng muốn trở thành người có kỹ năng đọc thơ, hình thành năng lực đọc thơ thì nhất thiết phải hiểu về đặc điểm của thơ.

– Do đó, tri thức đọc hiểu về đặc điểm thơ/ tập thơ vừa là tri thức công cụ cần có vừa là mục tiêu của quá trình đọc hiểu VB thơ/ tập thơ.

Cách đọc thơ, tập thơ

GV cung cấp bảng khuyết về các bước đọc bài thơ, tập thơ, cho các nhóm thảo luận, điền vào bảng. Sau đó, mời các nhóm trình bày sản phẩm. GV góp ý, bổ sung.

Bảng tóm tắt các bước đọc bài thơ, tập thơ

Các bước	Các thao tác	Ý nghĩa
<i>Bước 1: Đọc hiểu bài thơ</i>	Thao tác 1.....	
	Thao tác 2.....	
	Thao tác 3.....	
	Thao tác 4.....	
	Thao tác 5.....	
	Thao tác 6.....	
<i>Bước 2: Đọc hiểu tập thơ</i>	Thao tác 1.....	
	Thao tác 2.....	
	Thao tác 3.....	
	Thao tác 4.....	
	Thao tác 5.....	

Lưu ý: GV có thể tích hợp hoạt động này vào hoạt động thực hành đọc.

b. Đặc trưng của truyện ngắn, tập truyện ngắn, tiểu thuyết và cách đọc truyện ngắn, tập truyện ngắn, tiểu thuyết

Đặc trưng của truyện ngắn, tập truyện ngắn, tiểu thuyết

GV có thể thực hiện như phần *Đặc trưng của thơ, tập thơ* hoặc sử dụng kĩ thuật KWLH, tiến hành như sau:

- HS làm việc cá nhân và điền thông tin vào cột K, W.
- HS chia sẻ cặp đôi để bổ sung nội dung cột K, W.
- HS đọc SGK và điền thông tin vào cột L, H.
- HS thảo luận cặp đôi để điền thông tin vào cột L, H.
- Trao đổi, chia sẻ cả lớp.

– GV tuy đối tượng HS để có thể bổ sung thêm một số đơn vị kiến thức phù hợp, cần thiết như điểm nhìn, bối cảnh...

Mẫu phiếu KWLH

K	W	L	H
Những điều đã biết về đặc điểm truyện ngắn/ tập truyện ngắn/ tiểu thuyết	Điều muốn biết thêm	Điều đã học được	Định hướng, vận dụng

– Hướng dẫn HS đọc đặc điểm truyện ngắn, tập truyện ngắn, tiểu thuyết trong SGK và điền vào bảng sau:

Bảng so sánh các thể loại

	Đặc điểm	Tên tác phẩm (nêu một vài tên)
Truyện ngắn		
Tập truyện ngắn		
Tiểu thuyết		
Truyện		

Cách đọc truyện ngắn, tập truyện ngắn và tiểu thuyết

*** Cách đọc truyện ngắn, tập truyện ngắn**

Cách thức tổ chức: tương tự như cách tổ chức cho HS đọc bài thơ, tập thơ.

Lưu ý: GV có thể tích hợp hoạt động này vào hoạt động thực hành đọc.

*** Cách đọc tiểu thuyết**

Cách thức tổ chức: tương tự như cách tổ chức cho HS đọc bài thơ, tập thơ, tập truyện ngắn.

Lưu ý: GV có thể tích hợp hoạt động này vào hoạt động thực hành đọc.

c. Thực hành đọc

Việc thực hành đọc một tập thơ, tập truyện hay tiểu thuyết được tiến hành theo cá nhân hoặc theo nhóm; kết hợp đọc ở lớp và đọc ở nhà. GV có thể chọn một trong hai cách sau:

Tổ chức đọc theo nhóm

*** Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà:**

GV cần hướng dẫn HS thực hiện một số nhiệm vụ học tập trước khi đến lớp trong thời gian 2 tuần:

- Chia nhóm, mỗi nhóm khoảng 5 HS.
- Giới thiệu cho các nhóm một số tập thơ mỏng/ tập truyện phù hợp với lứa tuổi hoặc cho các nhóm chọn và báo với GV để GV duyệt.
- Mỗi nhóm lập kế hoạch đọc tập thơ/ tập truyện:
 - + Phân chia cho các thành viên trong nhóm đọc một vài bài thơ/ một vài truyện và thực hiện các phiếu đọc, gửi phiếu đọc cho trưởng nhóm.
 - + Xác định thời điểm mỗi cá nhân hoàn thành nhiệm vụ, thời gian thảo luận chung trong nhóm.

Tham khảo bảng kế hoạch sau:

Tên thành viên	Nhiệm vụ
1.	Đọc các VB...
2.	Đọc các VB...
3.	Đọc các VB...
...	...

+ Tổ chức thảo luận chung trong nhóm về tập thơ/ tập truyện: tổ trưởng mời từng thành viên chia sẻ kết quả việc đọc các bài thơ đã được phân công, sau đó, cả nhóm cùng nhau hoàn thành *Phiếu ghi chép về tập thơ/ tập truyện* (có thể trình bày trên file Powerpoint để trình chiếu trên lớp).

*** Tổ chức thực hiện trên lớp**

- Mời các nhóm trình bày kết quả đọc tập thơ/ tập truyện.
- Nêu câu hỏi cho các nhóm suy nghĩ: (1) Các tập thơ/ tập truyện do các nhóm giới thiệu gợi cho bạn cảm xúc, suy nghĩ gì? (2) Học được điều gì từ cách chia sẻ sản phẩm của nhóm bạn?

– GV khen ngợi các nhóm bổ sung, chốt các kĩ năng đọc tập thơ/ tập truyện, góp ý về sản phẩm cũng như cách trình bày sản phẩm của các nhóm.

Lưu ý cách tổ chức cho HS đọc tiểu thuyết:

Trước tiên, GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà:

– Mỗi nhóm lập kế hoạch đọc tiểu thuyết:

+ Đọc hướng dẫn trong SGK.

+ Đọc từng chương, làm các phiếu học tập, trả lời các câu hỏi.

+ Xác định thời điểm cả nhóm cùng thảo luận về cuốn tiểu thuyết. Sau đó, tổ chức cho các nhóm HS chia sẻ kết quả thực hành đọc trên lớp.

Tổ chức “Vòng tròn thảo luận văn chương”

Quy trình thực hiện *Vòng tròn thảo luận văn chương* bao gồm các bước:

Bước 1: Chọn VB đọc: tập thơ (tập truyện ngắn, tiểu thuyết): khuyến khích HS đề xuất, tham khảo các VB gợi ý trong SGK. GV định hướng lựa chọn những VB phù hợp.

Bước 2: Tạo nhóm: nhóm được tạo trên cơ sở các HS cùng chọn một tập thơ (tập truyện ngắn hay cuốn tiểu thuyết).

Bước 3: Lập kế hoạch thực hiện “Vòng tròn thảo luận văn chương”: phân công nhiệm vụ theo vai, yêu cầu sản phẩm và thời gian thực hiện cụ thể.

Bước 4: Cá nhân đọc: ghi chép, trình bày kết quả đọc vào các Phiếu đọc sách.

Bước 5: Chia sẻ trong nhóm nhỏ trên cơ sở Phiếu đọc sách (kết hợp trực tiếp ở lớp và trên các kênh mạng xã hội của nhóm/lớp).

Bước 6: Chia sẻ chung cả lớp (trực tiếp ở lớp): tùy theo thời gian, năng lực đọc của HS, GV có thể chọn 1 tập thơ/ 1 tập truyện ngắn/ 1 tiểu thuyết để tổ chức cho HS chia sẻ, trao đổi. HS/ nhóm HS giới thiệu chung và có thể chọn đọc một vài đoạn hay...

Bước 7: Chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm đọc: gửi vào nhóm chung của lớp để các nhóm cùng đọc, thảo luận.

Hoạt động đọc trong *Vòng tròn thảo luận văn chương* thường được tiến hành theo vai, mỗi thành viên được lựa chọn/ được giao thực hiện các vai đọc khác nhau như: vai người hỏi, vai người khám phá, vai người kết nối, vai người tổng kết,...

– Vai *Người hỏi*: HS đọc VB và chuẩn bị các câu hỏi có liên quan đến những vấn đề chính của VB để nhóm cùng nhau trao đổi, thảo luận; hoặc cũng chính là vấn đề mà HS chưa hiểu, mong muốn được làm sáng rõ. Nếu HS chưa biết cách đặt câu hỏi, GV có thể định hướng. Chú ý bám sát đặc trưng thể loại để xây dựng hệ thống câu hỏi (phần này HS dựa vào các câu hỏi gợi ý trong SGK).

– Vai *Người khám phá*: HS phát hiện các điểm sáng thẩm mỹ, các nhân tự hoặc các chi tiết, yếu tố độc đáo, tập trung giá trị của VB, từ đó chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ có tính cá nhân của người đọc. Thực hiện vai đọc này kết hợp thực hiện phiếu đọc sách/ Phiếu ghi chép trong SGK và đánh dấu/ ghi chú bên lề trang sách.

– Vai *Người liên hệ*: trong quá trình đọc hiểu, HS thực hiện việc liên hệ, so sánh những vấn đề được nêu trong VB với cuộc sống, quan điểm, cảm xúc cá nhân; so sánh VB này với VB khác; liên hệ vấn đề trong VB với thực tiễn cuộc sống.

– Vai *Người sáng tạo*: tùy vào năng khiếu, mức độ tiếp nhận VB, HS có thể: ngâm một đoạn thơ; chuyển thể tác phẩm văn học thành kịch bản và trình diễn một đoạn; vẽ chân dung nhân vật hoặc một bức tranh về tác phẩm,... Chú ý hướng dẫn HS chia sẻ, giải thích về các ý tưởng sáng tạo của mình.

– Vai *Người tóm tắt*: nhiệm vụ của HS thực hiện vai này là dùng vài từ khoá để tóm tắt những điểm ấn tượng, những nội dung chính của VB; tổng kết những nội dung nhóm đã thống nhất, những nội dung còn bỏ ngỏ; nêu những câu hỏi để thảo luận chung cả lớp hoặc trao đổi với giáo viên.

GV có thể hướng dẫn HS thực hiện các Phiếu đọc sách sau:

Một số mẫu Phiếu đọc sách tham khảo

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Họ tên: Lớp:
Nhóm:
Vấn đề:
Vai người khám phá:

Đọc hiểu hình thức

Đoạn văn bản có những hình ảnh/từ ngữ nào hay mà bạn ấn tượng?

Hình ảnh/từ ngữ đó theo bạn nói lên điều gì? Vì sao bạn nghĩ như vậy?

NOTE

Bạn nghĩ trong đoạn văn bản tác giả đã thành công trong việc sử dụng từ ngữ/hình ảnh nào? Vì sao?

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Họ tên: Lớp:
Nhóm:
Vấn đề:
Vai người liên hệ:

Đọc - Hiểu nội dung

1. Bạn nghĩ tác giả muốn gửi gắm điều gì qua văn bản?

2. Bạn hãy đồng ý tác giả và chia sẻ với người đọc những điều muốn gửi gắm khi sáng tác văn bản.

3. Tôi mong muốn lắng nghe cảm nhận nghĩ của bạn khi đọc văn bản.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Họ tên: Lớp:
Nhóm:
Vấn đề:
Vai người tóm tắt:

Đọc liên hệ, so sánh, kết nối

1. Văn bản/nhân vật/hình tượng... gợi bạn nhớ đến văn bản/nhân vật/hình tượng nào? Vì sao?

2. Trải nghiệm nào trong cuộc sống giúp bạn hiểu hơn về văn bản?

3. Văn bản gợi bạn nhớ đến kỷ niệm nào? Hãy chia sẻ với mọi người.

4. Văn bản làm thay đổi cảm xúc/nghĩ của bạn như thế nào?

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Họ tên: Lớp:
Nhóm:
Vấn đề:
Vai người khám phá:

Đã 3 hình ảnh/từ ngữ mà bạn thích nhất trong văn bản vừa đọc. Hãy giải thích vì sao?

• Hình ảnh/từ ngữ:
• Nghĩa:

• Hình ảnh/từ ngữ:
• Nghĩa:

• Hình ảnh/từ ngữ:
• Nghĩa:

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Họ tên: Lớp:
Nhóm:
Vấn đề:
Vai người kết nối:

NHÂN VẬT THỂ HIỆN

.....

TÌNH CẢM CỦA TÔI

.....

Phiếu đọc sách

Văn bản:

Sau khi đọc văn bản, tôi thực sự muốn chia sẻ và bạn những điều tôi đã hiểu được:

Những điều tôi ấn tượng nhất:

Điều tôi muốn trao đổi:

Cafe Cafe

Sau khi học sinh đọc xong, GV hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá việc đọc của bản thân.

**Bảng kiểm sản phẩm đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết
(Phiếu đọc sách, bài viết,...)**

TIÊU CHÍ	TỰ ĐÁNH GIÁ (Đạt/ Chưa đạt)	HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH
Phân tích được những đặc điểm nổi bật về hình thức nghệ thuật của tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết.		
Phân tích, đánh giá được giá trị nội dung của tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết.		
Có những lí giải sáng tạo, độc đáo.		
Hình thức trình bày sản phẩm: đẹp, sáng tạo.		

2.3. Dạy học phần thứ hai:

**VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN
HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT**

*** Yêu cầu:** HS biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

*** Hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học**

2.3.1. Mục đích của việc viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

GV có thể nêu câu hỏi khơi gợi tri thức nền của HS:

– Trước khi quyết định đọc một cuốn sách, bạn có đọc bài giới thiệu cuốn sách đó hay không? Nếu có, việc đọc ấy nhằm mục đích gì?

– Bạn đã từng giới thiệu cuốn sách nào cho bạn bè, người thân đọc hay chưa? Nếu có, bạn giới thiệu bằng cách nào?

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV nhấn mạnh mục đích của việc giới thiệu một VB cho người khác.

2.3.2. Cấu trúc bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện hoặc một tiểu thuyết

Văn bản 1: GIEO TRONG BÓNG TỐI VÀ DỊCH CHUYỂN VỀ ÁNH SÁNG

GV sử dụng phương pháp phân tích mẫu kết hợp với tổ chức cho HS thảo luận để nhận biết cấu trúc bài giới thiệu. Cụ thể là:

– GV trình chiếu VB mẫu trên màn hình, dùng các box kèm theo câu hỏi để hướng dẫn HS nhận biết: cấu trúc 3 phần của VB (câu hỏi 1 trong SGK), nội dung từng phần (câu hỏi 2, 3, 4 trong SGK).

Gợi ý câu trả lời:

Câu hỏi 1

VB gồm 3 phần.

Câu hỏi 2

Phần đầu là đoạn thứ nhất. Trong đoạn này người viết giới thiệu nội dung tập thơ *Những hạt giống của đêm và ngày* của Mai Văn Phấn, đồng thời nêu cảm nhận chung của tác giả về tập thơ.

Câu hỏi 3

Phần thứ hai gồm hai đoạn. Đoạn 1: Tác giả giới thiệu đặc trưng của ngôn ngữ thơ Mai Văn Phấn, giá trị văn hoá, tinh thần của tập thơ. Đoạn 2: Tác giả khẳng định giá trị soi sáng sự thật, đồng thời hướng tới tương lai của tập thơ.

Câu hỏi 4

Phần thứ ba: đoạn cuối. Tác giả nhận xét về sự tinh tế, sâu sắc trong cách nhìn thế giới tự nhiên và thế giới tâm hồn của con người của nhà thơ, giúp người đọc hiểu sâu hơn về đất nước, con người Việt Nam.

Câu hỏi 5

Đây là câu hỏi mở, HS có thể có những câu trả lời khác nhau từ việc quan sát, đọc VB. Câu trả lời có thể là: học được cách viết bài giới thiệu với cấu trúc ba phần, học được cách giới thiệu về ngôn ngữ, nội dung tập thơ, giá trị của tập thơ,...

Văn bản 2: “LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG” BI TRÁNG CHÂN DUNG NGƯỜI ANH HÙNG NHỎ TUỔI NƯỚC ĐẠI VIỆT

Đối với VB này, GV có thể yêu cầu HS đọc bài giới thiệu kết hợp với việc sử dụng phiếu học tập và tổ chức cho các nhóm thảo luận.

Câu hỏi 1

Cho các nhóm xác định các phần của bài viết, sau đó vẽ sơ đồ bố cục bài viết.

Gợi ý trả lời: VB chia làm ba phần, phần 1: đoạn đầu; phần 2: đoạn 2 – đoạn 8; phần 3: đoạn cuối.

Câu hỏi 2

Đây là câu hỏi mở, GV nên mời một vài HS chia sẻ cảm nhận của mình về nhan đề bài viết.

Câu hỏi 3

Cho HS thảo luận theo cặp. *Gợi ý trả lời:* giới thiệu tên tác phẩm, tác giả, nhân vật chính.

Câu hỏi 4

Dựa trên sơ đồ bố cục đã vẽ, tóm tắt nội dung đoạn 2 – đoạn 5.

Gợi ý trả lời:

– Đoạn 2: tóm tắt bối cảnh câu chuyện và cách viết hướng đến người đọc trẻ tuổi của tác giả.

– Đoạn 3: giới thiệu các tuyến nhân vật, nêu nhận xét về tính cách nhân vật chính đồng thời nêu dẫn chứng tiêu biểu để chứng minh cho nhận xét của mình.

– Đoạn 4: giới thiệu tài năng của tác giả trong việc viết truyện lịch sử.

– Đoạn 5: khẳng định tài năng của tác giả trong việc xác lập bối cảnh của câu chuyện từ tổng thể đến các chi tiết, tài miêu tả nội tâm nhân vật.

Câu hỏi 5

Tổ chức HS đọc theo cặp đoạn 7, 8 và tìm dẫn chứng.

Câu hỏi 6

Cho HS thảo luận theo cặp để rút ra cách người giới thiệu khuyến khích người đọc đọc tác phẩm này. *Gợi ý trả lời:* tác phẩm đạt nhiều giải thưởng, tác giả là cây bút hàng đầu viết truyện lịch sử cho thiếu nhi.

Câu hỏi 7

Hướng dẫn HS thảo luận điền vào phiếu học tập sau:

Phiếu so sánh hai văn bản

	Văn bản 1	Văn bản 2
Điểm giống nhau	Nội dung: Cấu trúc:	
Điểm khác nhau	Nội dung: Cấu trúc:	Nội dung: Cấu trúc:

Gợi ý trả lời câu hỏi:

– Điểm giống nhau: cùng giới thiệu một cuốn sách, cấu trúc gồm ba phần.

– Điểm khác nhau: dựa vào các câu trả lời cho hai VB 1 và 2 để nêu điểm khác nhau về nội dung và cấu trúc của hai VB.

2.3.3. Các bước thực hiện bài viết

Bước 1: Chuẩn bị viết

– Hướng dẫn các nhóm sử dụng kết quả đọc về một tập thơ, tập truyện đã thực hiện (mục Thực hành đọc) để thực hiện bài viết.

– Hướng dẫn các nhóm phác thảo sơ đồ dàn ý dựa trên các hướng dẫn trong SGK, sau đó trình bày trên lớp để các nhóm khác và GV góp ý.

Bước 2: Viết bài

– Tổ chức cho cả lớp thảo luận về nội dung và ý nghĩa của từng mục trong Bảng kiểm bài viết giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn, một tiểu thuyết. Mục đích của hoạt động này là giúp HS hiểu rõ yêu cầu đối với bài viết, từ đó, định hướng cách viết.

– Dựa trên dàn ý, hướng dẫn các nhóm HS thực hiện bài viết ở nhà.

– Tổ chức cho HS chia sẻ bài viết trên lớp để cả lớp thảo luận, học hỏi lẫn nhau.

2.4. Dạy học phần thứ ba:

TRÌNH BÀY, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

Để hướng dẫn HS thực hiện hiệu quả hoạt động này, GV cần phân bố thời gian và lựa chọn không gian tổ chức phù hợp. Các sản phẩm HS đã thực hiện ở hoạt động viết là cơ sở để HS tiếp tục thực hiện hoạt động giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

Hoạt động 1. Tìm hiểu những yêu cầu chung và quy trình thực hiện giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

Ở hoạt động này, GV cần hướng dẫn cho HS nắm được những yêu cầu chung của việc trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết. Đồng thời, HS nắm được quy trình thực hiện bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

a. Xác định những yêu cầu chung khi trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

GV lưu ý HS những yêu cầu chung khi thực hiện bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết (đã trình bày trong SGK); cần nhấn mạnh những yêu cầu về cách sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ...), biết cách định hướng để điều chỉnh và điều khiển quá trình giao tiếp đạt được mục đích đã xác định.

b. Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói

GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định đề tài, mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói. GV yêu cầu HS sử dụng kĩ thuật 5W1H hoặc sơ đồ tư duy để thực hiện hoạt động này.

c. Chuẩn bị nội dung nói: tìm ý, lập dàn ý

SGK đã hướng dẫn khá cụ thể về việc tìm ý, lập dàn ý. GV yêu cầu HS đọc kĩ bài đã viết, sử dụng kĩ thuật sơ đồ tư duy để chuyển nội dung bài viết đã thực hiện được ở phần hai thành đề cương bài nói. Ở nội dung này, GV không hướng dẫn HS phân tích kĩ nội dung đã được viết trong SGK mà yêu cầu HS đọc các thông tin đã được hướng dẫn trong SGK để thực hiện phần tìm ý, lập dàn ý cho bài nói của mình.

d. Luyện tập và trình bày

GV hướng dẫn HS dựa vào bảng kiểm kỹ năng trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết để định hướng luyện tập cho bài trình bày, giới thiệu của mình:

Nội dung		Đạt	Chưa đạt
Chào hỏi trước khi bắt đầu, giới thiệu tên mình và chào trước khi kết thúc, cảm ơn người nghe.			
Bài giới thiệu có đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.			
Mở đầu	Tạo được ấn tượng, sự chú ý từ phía người nghe.		
	Giới thiệu thông tin cơ bản về tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết: thể loại, tác giả, nhan đề, chủ đề chung, nhà xuất bản,...		
	Nhận xét, đánh giá khái quát về nội dung, nghệ thuật của tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết.		
Nội dung chính	Tóm tắt được nội dung của tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết.		
	Làm nổi bật được nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.		
	Chỉ ra một vài điểm tương đồng và khác biệt về nội dung và cách viết giữa các bài thơ/ các truyện và giữa các tác giả (nếu là tập thơ/ tập truyện của nhiều tác giả).		
	Thể hiện cảm nhận/ đánh giá về một số nét đặc biệt trong nội dung tác phẩm và cách viết của tác giả.		
Kết thúc	Nêu bình luận chung về tác phẩm, thể hiện sự yêu thích tác phẩm.		
	Đề xuất mọi người tìm đọc và lí do nên đọc tác phẩm.		
Sử dụng giọng điệu, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.			
Ngôn ngữ nói ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết, truyền cảm.			
Tự tin và có tương tác với người nghe khi trình bày.			
Sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan để làm rõ nội dung giới thiệu.			

GV yêu cầu từng HS thực hiện luyện tập và trình bày trong nhóm nhỏ; từng thành viên trong nhóm sử dụng bảng kiểm để đánh giá và góp ý phần trình bày của các thành viên trong nhóm. Để bài trình bày đạt được hiệu quả cao và tạo được ấn tượng với người nghe, HS cần lưu ý sử dụng giọng điệu, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp; ngôn ngữ diễn đạt cần ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết, truyền cảm; tự tin và tương tác với người nghe khi trình bày và sử dụng các phương tiện trực quan để tăng hiệu quả cho bài thuyết trình.

Hoạt động 2. Tổ chức sự kiện câu lạc bộ đọc, giới thiệu tác phẩm văn học

Bước 1: Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ

GV khuyến khích HS lựa chọn cuốn sách theo sở thích và phù hợp với lứa tuổi.

GV chia nhóm (có thể chia nhóm ngẫu nhiên, nhóm cùng sở thích,...) và hướng dẫn các nhóm lập bản kế hoạch như gợi ý trong SGK. Sau khi chia nhóm, giao nhiệm vụ, GV yêu cầu các nhóm cử nhóm trưởng để điều hành nhóm. Để đảm bảo tất cả các thành viên trong nhóm đều làm việc, GV sẽ yêu cầu nhóm trưởng thực hiện bản kế hoạch phân công cụ thể cho từng thành viên. GV có thể gợi ý cho HS thực hiện phân công của nhóm như sau:

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ
1		
2		
3		
4		

GV cần xác định thời điểm tổ chức buổi giới thiệu sách để các nhóm có đủ thời gian thực hiện các nhiệm vụ trong việc tổ chức câu lạc bộ sách (thời gian từ 2 tuần đến 1 tháng).

GV hướng dẫn HS hình thức và cách hợp mặt câu lạc bộ thông qua việc thực hiện các bảng sau:

Hình thức hợp – thời gian – địa điểm

	Hợp trực tuyến	Thời gian: Từ...đến...	Trên nền tảng:
	Hợp trực tiếp	Thời gian: Từ... đến...	Tại địa điểm:

Trao đổi về cuốn sách đã đọc

Nhóm	Hoạt động	Người thực hiện	Thời gian
Nhóm 1	Các thành viên trong nhóm giới thiệu cuốn sách đã đọc.	Nhóm trưởng dẫn dắt hoạt động, mời các thành viên trình bày từng phần và trao đổi, trả lời câu hỏi của các nhóm khác.	Từ... đến...
Nhóm 2	Mời một chuyên gia chia sẻ thêm về cuốn sách.	Chuyên gia trình bày. Các thành viên lắng nghe, đặt câu hỏi.	Từ... đến...
Nhóm 3	...	...	...
....	Kết thúc buổi họp.		Vào lúc:

Bước 2: Triển khai thực hiện

– GV hướng dẫn cho HS nắm rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của các nhóm trong quá trình tổ chức buổi giới thiệu sách. Trong quá trình các nhóm thực hiện nhiệm vụ, GV cần quan sát, đôn đốc để quá trình tiến hành triển khai theo đúng kế hoạch; định hướng, chỉ dẫn để các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

– GV hướng dẫn HS xác định mục đích tổ chức sự kiện; xác định địa điểm, thời gian tổ chức sự kiện; xác định người viết kịch bản chương trình; xác định các đội thi; ban tổ chức, gồm: người dẫn chương trình: chuẩn bị kịch bản chương trình, bộ phận hậu cần: phụ trách trang trí sân khấu và kỹ thuật (máy chiếu, âm thanh).

– GV hướng dẫn HS xác định rõ nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm

GV tổ chức hướng dẫn các nhóm tự đánh giá, rút kinh nghiệm theo các tiêu chí đề ra trong bảng kiểm ở SGK, đồng thời các nhóm sẽ đánh giá chéo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhóm bạn. Sau đó, GV sẽ lưu ý các vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các nhóm.

GV tổng kết, rút kinh nghiệm về khâu tổ chức.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10 – SÁCH GIÁO VIÊN (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2HG XV003M22

In.....bản, (QĐ in số.....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1146-2022/CXBIPH/36-708/GD

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-32761-1



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|--|
| 1. NGỮ VĂN 10, TẬP MỘT - Sách giáo viên | 13. VẬT LÍ 10 - Sách giáo viên |
| 2. NGỮ VĂN 10, TẬP HAI - Sách giáo viên | 14. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP VẬT LÍ 10 - Sách giáo viên |
| 3. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10 - Sách giáo viên | 15. HOÁ HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 4. TOÁN 10 - Sách giáo viên | 16. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP HOÁ HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 5. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP TOÁN 10 - Sách giáo viên | 17. SINH HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 6. TIẾNG ANH 10
Friends Global - Teacher's Guide | 18. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP SINH HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên | 19. ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên |
| 8. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên | 20. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên |
| 9. ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên | 21. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 1) - Sách giáo viên |
| 10. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên | 22. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 2) - Sách giáo viên |
| 11. GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên | 23. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10 -
Sách giáo viên |
| 12. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên | |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-32761-1



9 786040 327611